

TỨ PHẦN LUẬT SAN PHỒN BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO

*Người trước thuật phần nhiều đặt tên
nói lên chỗ khác nhau.*

*Sa-môn Thích Đạo Tuyên chùa Sùng Nghĩa
ở Kinh Triệu biên soạn.*

QUYỂN TRUNG (PHẦN 1)

THIÊN THỨ MƯỜI BA: THIÊN TỰ DANH BÁO

Xuất tục năm chúng sở dĩ là ruộng phước tốt của thế gian. Thật vì do giới thể.

Cho nên Trí Luận chép: Thọ trì giới cấm làm tánh, cạo tóc xuất gia là tướng, nay nếu tâm ấy mãi mãi trong sạch, người tốt đẹp thấm nhuần đức ấy mới có thể sinh ra loại thiện, gọi là ruộng phước. Không như vậy thì dù chống cự, tự để lại sự lo lắng của y, liền chuộc tội của sáu nhóm. Quả báo vào mười sáu địa ngục, cho nên ngũ thiên nói là phạm.

Trái với phạm trì hạnh tự thành bảy nhóm. Rõ trì, thuận trì các phạm mất sâu xa. Mà người mới học phần nhiều là kẻ ngu, chưa biết điều lệ. Thà biên hiến chương tùy giới, hôn mê mờ mịt, tội báo lớn như biển.

Dẫn đến thuận dòng đi mãi, tham giọt mật mà quên đường về, trở thành nghiệp nặng, đầu siêu ngộ mà biết trở lại, cho nên luận Tỳ-ni Mẫu chép: Tăng ni hủy giới cấm mà thọ lợi dưỡng, không có người hiện tại thọ, vì hưởng về địa ngục. Nhưng nghiệp tùy tâm mà kết, quả báo theo tâm mà thành, chắc chắn trước phải phô trương nhân quả, làm cho người con Phật trì giới xem quả biết nhân.

Tự trung trước nói hộ giới là tông trái mất, sau nói tướng thiên tự danh báo.

Trong phần nói về hộ giới, sở dĩ người phạm giới quả báo tội nghiệp rất lớn là vì giới hộ sinh thiện, phải xây dựng công cương, đừng

làm cho trái tổn, mà chiêu quả báo nặng. Luận Minh Liễu nói hộ giới có nhiều loại. Lại dẫn lược nói, nghĩa là ở tâm gọi là hộ, ở thân miệng gọi là giới. Có hộ không nhất định có giới, có giới hẳn là hộ. Trong kinh Phật khen người được giới hộ có nhiều chương cú. Lược thuật có tám loại.

1/ Như vua sinh con được dân kính mến, người được giới hộ sinh khởi hạt giống thánh, sau này chắc chắn được làm Thánh, như nối ngôi vị vua.

2. Như trăng sáng dần dần tròn đầy, giới hộ cũng giống như vậy. Các công đức bất cứ lúc nào cũng thêm lớn, cho đến được giải thoát tri kiến.

3/ Như người được hạt ngọc như ý, theo lời nguyện có kết quả. Người được giới hộ muốn sinh về điều lành cho đến bồ-đề, chắc chắn sẽ được.

4/ Như con của vua thích nối ngôi, người được giới hộ, vì giới hộ nên chắc chắn được thành Thánh, lý phải ưa thích không được hủy tổn.

5/ Như người một mắt rất yêu quý mắt đó. Người này cũng vậy, do giới hộ nên được lìa sinh tử, đạt được niết-bàn.

6/ Như người nghèo ở đời thích tư lương, vì thích giới này nên được tuệ mạng.

7/ Như quốc vương ba việc đầy đủ nên yêu thích nước này.

1/ Đủ tài. 2/ Dục trần. 3/ Chánh pháp. Người được giới hộ cũng như vậy: trụ trong giới hộ, vô lượng công đức, tâm an không lo phiền, chánh pháp thêm bền chắc.

8/ Như người bệnh được uống thuốc hay, giới hộ cũng như vậy, không nên xả bỏ. Do đây lìa tất cả điều ác. Nhân duyên như vậy công nghiệp rất nặng, không thể khinh phạm mà sinh ra tội lớn.

2) Bày danh thích vị, chia ra hai loại khác nhau.

Trước nói về thiên tỵ, sau đó nói về quả báo.

Trong phần thiên tỵ có năm thiên bảy tỵ, y cứ nghĩa có sáu phần.

Chính kết tội khoa chỉ thọ sáu pháp. Ngày nay y vào sáu tỵ để giải thích tên.

1. Ba-la-di
2. Tăng-già-bà-thi-sa
3. Thâu-lan-giá
4. Ba-dật-đề
5. Ba-la-đề-đề-xá-ni
6. Đột-cát-la

Sáu tên gọi trên đây đều không dịch đúng, chỉ dùng nghĩa dịch, lược biết đường lối.

Trước nói về Ba-la-di, Luật Tăng-kỳ nói nghĩa phải cực ác. Dịch ba ý:

1. Lui mất do phạm giới này, đọa quả không có phần.
2. Không được ở chung, chẳng phải mất đọa mà lui lại không được vào hai loại số tăng.
3. Đọa lạc, xả thân này rồi đọa địa ngục A-tỳ.

Luật Thập tụng nói: “Đọa vào chỗ không vừa ý”.

Tát-bà-đa bộ giải thích: Do đấu tranh với quỷ, vì phạm giới này nên đọa phụ xứ.

Luật Tứ Phần chép: Ba-la-di: Thí như người bị chặt đầu, không thể mọc lại.

Nếu phạm pháp này thì không thành Tỳ-kheo, đây là theo hành pháp chẳng phải dùng làm tên.

Lại nói: Ba-la-di nghĩa là không gì bằng. Đây là theo chúng pháp không có phần làm tên, cho nên kệ nói.

Người làm các điều ác, giống như thân chết kia, không ai thêm nhận lấy, vì bởi phạm giới này.

Lại gọi là bất cộng trụ, vì không được thuyết giới yết ma ở chung trong tăng.

Hỏi: Trên đã nói nếu phạm giới này gọi là đứt đầu, y cứ theo đây mà nói là không phạm trọng, giới cũng không có.

Đáp: Giới có không ở đây đi vào tranh luận, trong tâm tạp hiểu.

Có giới chẳng phải không, nếu nói về phạm trọng, luật có nói rõ, tùy phạm nhiều ít, mỗi một Ba-la-di, thiên này trước hết bốn giới đầu tiên, mỗi giới đều khác nhau. Tùy trọng phạm dâm, chúng phần nhiều là trọng phạm. Còn đọa, sát, vọng trọng phạm cũng như vậy. Đây gọi là biệt giải thoát giới. Do cảnh duyên riêng nên được giới khác nhau, cho nên sau khi phạm lại tùy phạm riêng.

Như Tát-bà-đa nói: Thà có thể một lúc phát tất cả giới, chứ không thể một lúc phạm tất cả giới. Lại như giới dâm, trên thân người nữ phát được hai mươi một giới, trên thân người nam được mười bốn giới. Còn trong pháp giới nam nữ cũng vậy. Nay hoặc tâm tham phạm một nữ một đọa, chỉ gọi là nam nữ cũng vậy. Nay hoặc tâm tham phạm một nữ một đọa, chỉ gọi là ô nhiễm một giới, dâm thể sáng suốt trong sạch, không thực hành có thể trái, xứng bốn thọ thể. Như sám hối thiên đầu còn được thanh tịnh, không nói thọ lại. Do có bốn giới. Lại như luật nói: Tỳ-kheo

phạm trọng, hủy báng đều kết tội đọa. Nếu người không có giới chỉ đồng với cát-la.

Hỏi: Phải đủ số hay không mới gọi là đoạn đầu?

Đáp: Sám hối vốn thanh tịnh, lý phải đủ số. Như được làm yết-ma tự tứ, thuyết giới, v.v... chỉ do tính lỗi sâu dầy, không đảm nhiệm Tăng dùng. Cho nên nói: Đến chỗ không vừa ý, dụ cho đoạn đầu. Đây mong mà không bước lên thêm quả Thánh.

Hỏi: Giới dâm dù bị ô nhiễm, chỉ gọi là phạm giới, trích ở văn nào? Đáp: trên đã chỉ rõ, lại bày rộng tướng, như nói trong pháp sám ở dưới, giới thể định ở thường hằng thanh tịnh. Trong đời có người phạm một giới dâm, ban đầu sợ hãi, sau đó lại nghĩ cho là mất giới, liền giận đồng theo lỗi đều phạm, há không phải do ngu si đối với giáo cương tự chôn vùi trong dòng thế tục, đâu biết chỉ phạm một giới dâm, các giới dâm đều không phạm. Thiên sát đạo thường thanh tịnh nghiêm nhiên. Năm tụ dưới nghĩa đồng với lúc trước thọ, cho nên bọn đồng pháp, lý phải xét rõ.

Nếu trước trang nghiêm thanh tịnh, thức gá vào đời với năm trần dục nhiễm không sinh, do phương tiện trước. Nếu trước chẳng thu nhiếp, đối với cảnh chẳng thể không phạm. Đã phạm thì nghiệp thành, phải không ngăn che. Sớm trở lại thành vốn thanh tịnh, tiến vào các tầng. Nếu mê lầm các điều trên, hoặc tự ô nhiễm không tham gia việc chúng, tài pháp đều mất, lại bụng ưa thọ dụng, mình người đều đọa, há không buồn sao? Cũng không lầm sao?

Hỏi: Luận Minh Liễu giải thích: bốn giới trọng này hễ hủy bất cứ một giới nào, thì các giới khác phân dùng không có lực. Như trong thân người bốn chỗ đã chết, hễ tổn một chỗ thân mạng chết ngay, do năng lực của giới yếu không phát sinh định tuệ.

Thập Luận chép: Nếu phạm bốn giới trong hủy pháp báng Thánh, khi chết đọa vào địa ngục A-tỳ. Người như thế đối với một thân không thể kết hết, chắc chắn đọa đường ác. Nếu có người ở trong pháp ta xuất gia trì giới căn bản thường siêng năng mạnh mẽ, tất cả sự cúng dường đều không luống thọ. Vì sao? Vì chí cầu giải thoát, cho đến xả thân mạng đều không hủy phạm. Vì sao? Vì bốn căn bản, ba thừa y theo mà trụ. Trong Tứ Phần của Ni có tám giới Ba-la-di, bốn giới trước đồng với tăng, bốn giới sau như có nói riêng.

Luật Thập Tụng chép: Trong phạm không đồng luật này

Tội đồng tên thì có trọng phạm. Tội đồng loại thì không trọng phạm. Đây là nói theo thiên đầu.

Văn nói: Sa-môn học hối phạm Tăng tàn làm cho thứ lớp trong tăng hành phứ tăng sáu đêm mới xuất tội. Ngoài ra như trong bộ khác như Luận Minh Liễu nói: Trong luật nói tội có năm bộ.

Giải rằng: Ở đây là thiên, nay y vào bốn nghĩa lập tên bộ.

Có hai nghĩa.

1. Nghĩa thành tự căn bản
2. Nghĩa thuận theo căn bản

1. Thứ nhất Ba-la-di có mười sáu tội:

Giải rằng: Mỗi giới đều có bốn bộ thành mười sáu tội.

1. Phương tiện xa: Như khi hành dâm, trước khởi tâm chưa động thân miệng trách tâm liền diệt.

2. Thứ lớp phương tiện, nghĩa là động thân thì miệng nói muốn làm. Đây là đối trước người sám hối diệt tên chung với cát-la.

3. Phương tiện gần. Đến bên người kia, hoặc muốn xoa chà đụng chạm thân, chưa giao hợp trước là Thâu-lan-giá không thành Tăng tàn, nay tối đối trước người mà sám hối.

4. Thân giao hợp là căn bản

Ba phương tiện trước đều thành tự nên gọi là tên bộ.

Nếu căn bản chưa thành ba điều trước có thể sám hối. Nếu đã thành tự ba điều trước chạy theo căn bản đều không thể sám. Đây chính là nghĩa thuận theo. Còn ba điều lệ của bộ này, trong Tứ Phần chỉ nói thành là Ba-la-di, không thành là thâu-lan-giá. Nếu y theo Thập Tụng thì thâu-lan-giá có chia ra nặng nhẹ. Trong Luận Minh Liễu chép: chỉ kết một phẩm. Xong, thâu-lan-giá và Đột-cát-la thể là chung, tất cả đều phải biết. Như trong pháp sám có nói.

2. Tăng-già-bà-thi-sa tự: Luật Thiện Kiến nói: Tăng-già là Tăng, bà là ban đầu. Nghĩa là trước tăng cho yết ma Phứ Tăng, nói thi-sa nghĩa là tàn, nghĩa là cuối cùng cho yết-ma xuất tội. Nếu phạm tội này tăng làm pháp trừ bỏ, theo cảnh mà lập tên.

Bà-sa nói: Tăng-già nghĩa là Tăng, Bà-thi-sa là Tàn. Nếu phạm tội này ô nhiễm ràng buộc hành nhân, chẳng hoàn toàn thanh tịnh. Vì tội có tàn do tăng trừ diệt. Trong Tứ Phần chỉ nói rõ Tăng tàn liền thành giải thích trên.

Lại nói: Ngoài ra vì hành pháp không dứt gọi là Danh.

Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: Tăng tàn là như người bị người khác chém, cổ họng sắp bị đứt cho nên gọi là Tàn, lý phải cứu sớm.

Cho nên giới luật nói: Nếu phạm tội này phải cưỡng cho ba-lợi-bà-sa. Vì gần với tội trọng. Nếu y cứ về loại thì có mười ba loại. Tăng

như tùy tướng. Ni có mười bảy, sáu dị bảy đồng. Nói rộng như ở phần biệt thuyết.

Luận Minh Liễu giải thích: Tăng-già-bà-thi-sa thứ hai có năm mươi hai tội. Các bộ nói tội này khác nhau. Đây là Chánh Lượng bộ tên có ba nghĩa: Tát-bà-đa xứng với Tăng-già-bà-thi-sa có một nghĩa đồng với Chánh Lượng bộ.

Giải thích rằng: Do giới mà thấy mọi người hòa hợp, đây là nghĩa Tăng-già. Do hai sự không đồng không do định tuệ mà Phật lập giới.

Cho nên nói giới đồng, đồng một chánh kiến, cho nên nói kiến đồng.

Bà-thi-sa nghĩa là Tàn. Nếu phạm tội này, trong tăng nhận phòng xá, lợi dưỡng, thượng trung hạ ở ngoài ấy nên gọi là Tàn.

Ma-na-thùy dịch là Duyệt chúng ý, thuận theo tăng hay đều khởi tâm vui mừng. A-phù-ha-na dịch là Hô nhập chúng, chánh lượng bộ và Chi-thi-sa có ba nghĩa.

1. Như trước đã giải thích.

2. Nghĩa cứu: nghĩa là do tăng cứu giúp nên thoát khỏi tội này.

3. Nghĩa thăng: Khi hướng đến phạm tội thì thành người thấp hèn.

Do tăng cứu giúp lại được thanh tịnh, từ thấp hèn trở thành cao quý.

3. Nhóm *Thâu-lan-giá*.

Luật Thiện Kiến nói: Do Thâu-lan dịch là Đại (to lớn), Già nghĩa là ngăn thiện đạo. Sau này đọa đường ác, thể là ô uế. Từ thể bất thiện để đặt tên. Vì có thể thành tội của hai thiên một và hai, lại dịch là tội lớn. Cũng dịch là thô ác. Thanh Luận nói: Chánh âm là Tát-thâu-la. Luận Minh Liễu giải thích Thâu-lan là thô, già là tội lỗi. Thô có hai loại:

1. Là phương tiện

2. Có khả năng làm cho dứt mất gốc lành, nên gọi là lỗi, vì y theo giới do Đức Phật lập ra mà thực hành cho nên nói là lỗi, như trâu đạp bờ rào phá ruộng vườn. Song lỗi trên cũng thông. Tội này trước hết phạm gọi là lỗi. Sau đó, từ ban đầu mà thọ tên. Như trâu sau theo trâu trước cũng được qua cõi.

Nhưng một tụ Thâu-lan-giá, tội gồm có chánh và tòng. Thể gồm khinh trọng. Luật bày có bảy tụ, sáu tụ đều bao gồm thâu-lan-giá. Hoặc ở trên dưới, ép có lý do. Trong luật hoặc chấp là Tăng tàn. Sau đó, do giới phân nên thâu tội gọi là trọng. Như hai thiên đầu phương tiện xa gần. Chính là loại độc đầu. Chánh tội phá tăng ăn trộm. Hoặc ở dưới

đề-xá-ni, chính là oai nghi được nhiếp, tội gọi là Khinh. Như thiên thứ hai phương tiện xa là tội khinh, độc đầu nghĩa là ví dụ khỏa thân dùng tóc. Nhưng giới và oai nghi chung riêng nêu qua lại. Chung thì giới, giới đều phi oai nghi, đều gọi là phạm giới. Nếu y cứ riêng để luận, thì ba thiên trên lỗi tương thô, có thể trị nên gọi là giới, bốn lỗi dưới nhẹ, có thể sửa và thực hành nên gọi là oai nghi.

Nếu y cứ chia đều, thì bốn giới trước chẳng phải không có chánh quả, hai giới dưới là tạp, chung cho cả khinh và nhân. Nhưng nặng trong tạp thâu-lan-giá nên xếp vào thứ năm.

4. Bốn tụ ba-dật-đề, nghĩa dịch là đọa, Thập Tụng nói đọa vào chỗ thiêu đốt địa ngục tối tăm. Tứ phần nói tăng có một trăm hai mươi loại phân lấy ba mươi giới. Do tài của mà sinh phạm, tâm tham lam kiêu mạn chế xả bi vào tăng nên gọi là Ni-tát-kỳ, còn chín mươi đơn hối người khác. Nếu y cứ vào thể của tội thì đồng một phần sám, ni có hai trăm lẻ tám giới. Thiên thứ ba, ba mươi xả đọa, ngoài ra nhập vào sám khác. Chủng tướng đồng khác như hiển bày riêng.

Xuất Yếu Luật Nghi nói: Ni-tát-kỳ, cựu dịch xả đọa. Thanh Luận chép: Ni dịch là tận, Tát-kỳ là xả, ba-dật-đề bốn gọi là ba được.

Luận Minh Liễu giải thích: Ba-dật-đề, Bộ Ni-kha nói có ba trăm sáu mươi tội. Chánh Lượng bộ dịch là ứng công dụng. Giải có ba nghĩa.

1. Tội nhiều sâu kín khó biết tốt xấu
2. Tánh tội và chế tội

3. Thích huỷ phạm. Phải làm công dụng đối trị chớ để thấm nhuần khắp. Tát-bà-đa nói: Ba-la-da chất-chi-kha, dịch là ứng đối trị, thường phải suy nghĩ, nếu phạm liền biết. Thượng tọa bộ nói: Ba-chất-chi-kha, Hán dịch là năng thiêu nhiệt. Tội này đọa vào địa ngục kiểu hoán (la lối) nhân lúc tâm có thể bị lửa nóng, quả thời có thể đốt cháy chúng sinh. Chỉ có ba bộ có hai phương tiện, ba mươi. Chín mươi nên có một trăm hai mươi tội, không có thâu-lan-giá, có hai Đột-cát-la.

5. Nhóm Ba-la-đề-đề-xá-ni: dịch nghĩa là hướng về người kia sám hối, từ cảnh đối trị để đặt tên, luật Tăng-kỳ chép: Tội này phải phát lộ. Tức so với trong giới bốn luật nói đủ về bốn hối quá. Tăng có bốn loại như trình bày ở dưới. Ni có tám loại, hoàn toàn khác với Tăng. Luận Minh Liễu giải thích: ba-chi-đề-xá-ni bộ có mười hai tội, dịch là có đối ứng thuyết, nghĩa là những điều nói với người đều thành nghiệp.

6. Nhóm Đột-cát-la: Luật Thiện Kiến chép: Đột là xấu ác, cát-la là làm. Thanh Luận Chánh âm đột (dời chớ trái lại) là túc cát túc đa.

Tứ Phần Luật giới bốn chép: Thức-xoa-ca-la-ni, dịch nghĩa Ưng dương học, vị tăng Ấn-độ nói là giữ giới, tội này vi tế, giữ rất khó. Cho nên tùy theo học, tùy theo giữ mà đặt tên.

Luật Thập Tụng nói: Dùng thiên nhãn thấy Tỳ-kheo phạm tội như mưa trút. Há chẳng chuyên quen nơi tâm. Nên gọi là giữ giới. Luật này có một trăm chúng học, pháp ni đồng với đại tăng. Trong bảy nhóm phân một bộ này thành hai nhóm. Thân gọi là ác tác, khẩu gọi là ác thuyết. Hoặc nói Đột-cát-la ác thuyết, nhất định có giải và quyết đoàn như số thuật.

Luận Minh Liễu giải thích: Chẳng phải thuộc về bốn bộ, còn các tội khác cùng học đối, và luật Ba-tẩu-đầu nói là tội. Tất cả đều thuộc về bộ độc-đa-kha thứ năm. Đây là tên Chánh Lượng bộ, vì chẳng khác thân khẩu nghiệp, ý dịch là ác tác. Hai bộ Tát-bà-đa nói: Đột là sắt-kỷ lý-đa, thân khẩu nghiệp dịch là ác tác, đồng dịch một tên mà nghĩa lại khác, chia về nặng nhẹ, nặng gọi là độc-kha-dà, nhẹ gọi là học đối. Âm Phạm là Thức Xoa-kha-la-ni, âm đời ở Trung Quốc là tức-khứ-kha-la-ni, đồng dịch là Học đối. Nếu không động thân miện là khinh, tâm mong cầu liền diệt.

Nếu động thân miện là trọng, đối người mới diệt. Lúc này không giải phân biệt nặng nhẹ tên thông nên người học sai lầm.

Nếu chỉ tâm địa khởi, không có phương tiện. Nếu động thân miện có hai phương tiện xa và gần. Nếu sám căn bản phương tiện theo đó diệt trong tội tâm trách nặng. Tội khinh chỉ nói không nên khởi tâm như thế. Ấy gọi là trách tâm sám pháp, cũng dùng chung ở dưới.

Tứ Phần giới luật nói: Buộc chặt hai trăm năm mươi giới làm cương yếu. Trên hết y vào thiên tự để trình bày đầy đủ. Dịch thô danh mục còn không hết.

Hai Pháp bất định ấy nhờ cảnh để nói thông sáu nhóm. Nếu nói về thể của tội thì sinh nghi không tin là Đột-cát-la. Văn rõ ràng ba tội, hai tội, lược nêu việc sinh nghi, rộng ra như số thuật. Trong bảy pháp diệt tránh tội cũng không có, chỉ cạnh đua với bốn tịnh, vì hai bên chưa hòa chế thuốc bảy ngày để dứt bỏ, văn nghĩa đã rộng, lý tướng lại sâu xa. Nhọc nhằn tuyên thích đều chưa cùng tận, cho nên lược mà không thuật, nhưng tăng ni đồng số cùng thành giới chung.

Hỏi: Năm thiên bảy tự nghĩa gì li hợp? Nay chỉ nói rõ là sáu tự?

Nói lập năm thiên, trong luật Tăng-kỳ chép: phải rõ về Tông, chỉ nói năm loại phạm, năm loại chế, năm phạm tự, sáu tự, bảy tự tức là văn dưới của Tứ Phần, nay lại chia năm, bảy loại khác nhau. Đây đủ có

ba nghĩa thì vào trong năm.

1. Danh đều
2. Thể đều
3. Rốt ráo đều.

Không đủ ba nghĩa này thì xếp vào tụ, mà sáu, bảy sai phân cũng có ý nghĩa. Trong sáu hợp Đột-cát-la vì đồng thể. Trong phần bảy là ác thuyết vì tội nhiều.

Hỏi: Tình hình bảy sáu tụ gọi là thể, xin cho biết danh tướng về năm thiện bảy tụ thể nào?

Đáp: nói năm thiện là:

1. Ba-la-di
2. Tăng tàn
3. Ba-dật-đề
4. Đề-xá-ni
5. Đột-cát-la

- Nói bảy tụ là:

1. Ba-la-di
2. Tăng tàn
3. Thâu-lan-giá
4. Ba-dật-đề
5. Đề-xá-ni
6. Ác tác
7. Ác thuyết

Lại bày rõ hai tên, rộng như trong giới bốn số nói

Hỏi: Trong luật tăng bày ra hai trăm năm mươi giới, giới bốn đây đủ.

Ni thì có năm trăm, lời này hư hay thật?

Đáp: Hai bộ bày ra định số là nói theo chỉ, các bộ đều nói không hẳn y vào số. Nói về giới thể thì chỉ một điều không lạm, y cứ vào cảnh minh tướng là lượng trần sa. Lại chỉ hai trăm năm mươi giới, trì phạm là lối tắt. Trong Luật ni có ba trăm bốn mươi tám giới, có thể được chỉ ở đây mà phòng ngăn, nay theo Trí luận nói: Ni thọ giới pháp lược thì năm trăm giới, nói rộng có tám vạn, Tăng thì lược có hai trăm năm mươi giới, rộng cũng đồng với luật nghi của ni, nói rõ điều phạm, quả báo tựu trung chia làm hai:

- 1/ Liễu giải khởi nghiệp nặng nhẹ
- 2/ Dẫn văn chứng thành quả

Trong phần khởi nặng nhẹ phải nhờ ba độ (tham, sân, si) mà sinh

khởi. Nhưng độc khởi lên ở tâm ta là gốc. Nghĩa này rất rộng, Hành nhân phải biết. Như trong pháp sám nói rõ tướng nghiệp. Nay lược thuật khởi tội chắc chắn y cứ vào ba tánh mà sinh ra. Thọ báo nhiều ít đều do ý nghiệp làm gốc. Cho nên Luận Minh Liễu giải thích rằng: phá giới mắc tội nặng nhẹ không nhất định. Có tâm trọng phá giới khinh thì mắc tội trọng, không có tâm hổ thẹn làm điều gì cũng không sợ nạn. Hoặc do kiến khởi nghĩa cho rằng không có nhân quả. Hoặc do bất tín sinh khởi, cho là không phải Phật chế giới này, hoặc không tin phá giới này mất quả báo này. Hoặc do nghi sinh khởi, cho rằng điều Phật chế là chẳng phải, là định được quả báo hay không định được quả báo. Nếu do tâm phá như thế thì mắc tội càng nặng. Nếu không do tâm này, tình cờ phá giới, cho rằng như trong luật Tăng-kỳ nói Tỳ-kheo Tri sự mà mờ ám về giới tướng, cùng dùng vật của Tam bảo, hễ phạm điều gì đều là Ba-la-di. Hoặc thấy người chán sống, cho họ dụng cụ để họ chết, thấy thế tục sát sinh, xúi giục cho họ chết sớm, chẳng sinh khổ não. Đây đều là lòng từ tạo tội, trái với cảnh trước rất nặng, chẳng thể không biết liền khai không phạm. Do đó phải học đều kết căn bản, tức văn luật nói: ngu si thành Ba-la-di, cho đến Đột-cát-la cũng vậy.

Lại như Tát-bà-đa nói: Tỳ-kheo trẻ không biết giới tướng, cất cỏ trên tháp tội phước đều có, nếu nói về quả báo chịu tội thì nhẹ, do vốn khéo niệm nên không tăng thêm khổ nữa. Không khởi địa ngục, do trái với thọ thể. Nếu phạm tánh giới thì thọ đủ hai tội. Nghĩa là nghiệp đạo. Cho đến trái với quy chế. Nếu phạm giá giới như hoại cỏ cây, chỉ mắc một tội. Vì trong sự giáo hóa vốn không như chế, vô tình có thể phiến não. Nếu sau đó sám hối rồi rửa tội được thanh tịnh trở lại, không đồng với tánh phạm, rộng ra như trong Trí luận nói.

2. Tâm bất thiện, nghĩa là hiểu biết về giới tướng, hoặc lại ám học khinh mạn lưới giáo. Chê bai lời Phật. Như Luận Minh Liễu nói. Có bốn loại về lời thô ác phạm tội.

1. Tâm Tham, sân, si thô trước
2. Không tin nghiệp báo
3. Không thích thọ giới
4. Khê chê lời Phật.

Cố tâm gây ra thì bị quả báo nặng, lấy văn này làm chứng. Do không hổ thẹn, ban đầu không hối hận tâm bất thiện này. Cho nên Thành Luận nói có tâm hại giết con kiến tội nặng hơn có tâm tứ giết con người.

Do nghiệp căn bản nặng, quyết định thọ báo, dù sám hối cũng

mắc tội, nghiệp đạo không dứt, như Thập Tụng chép. ĐỀ-Bà-Đạt-Đa phá tạng phạm thâu-lan-giá, Phật bảo sám hối trước tăng, thế mà nghiệp đạo còn đọa A-tỳ, cho nên Kinh Địa Ngục nói.

1. Nhất định tạo nghiệp
2. Nhất định thọ quả.

Oai thần của Chư Phật không thể nào chuyển, rộng ra như quyển cuối nói

3. Tâm không nhớ phạm, nghĩa là vốn chẳng nhiếp hộ, theo dòng mặc tánh, ý chẳng thiện ác, nổi trôi như vậy mà gây ra. Như Tỳ-kheo ngồ lớn tiếng, luận bàn rộng suông, phí thời gian tổn đạo nghiệp, buông thả thân miệng, hoặc chân tay làm tổn thương cỏ cây đất cát, cùng tăng cười hời, vọng dùng vật của tăng. Chưa y quá hạn, phi thời đến nhà người thế tục, tay đưng chạm bình của tăng, hoại oai nghi thân miệng khẩu, các ví dụ như thế đều phạm.

Chỉ trừ thường khởi tâm hộ trì nhầm lẫn mà gây ra. Điều này chẳng phải tâm sai sử không chiêu cảm nghiệp tương lai. Chẳng phải như trên, trước làm phương tiện. Về sau ngủ, cuồng say bèn thành nghiệp quả, chung với kết chánh ở trước, lại như trong luận vô ký chiêu cảm quả báo.

Hỏi: Vô ký chung có nghiệp sao có quả báo?

Đáp: Giải thích có hai cách.

1/ Nói chiêu cảm quả báo: Trước có phương tiện, sau vào vô ký, nghiệp thành ở trong tâm vô ký cho nên nói chiêu cảm quả báo, mà thật ra vô ký chẳng nhớ quả báo.

2/ Không cảm quả báo chung: chẳng thể không thọ riêng, như trong kinh nói Tỳ-kheo đầu-đà, bất giác sát sinh, sinh mạng người kia đọa vào loài heo rừng, trên núi lẩn đá, do núi lở lăn xuống lại giết Tỳ-kheo.

Ngũ Bách Vấn chép: Tri sự đưng nhầm tịnh khí, chết làm loài quỷ ăn phân

Như trong Thành Luận nói: Ngủ nghỉ thành nghiệp là nghiệp vô ký.

Hỏi: Như trước nói vô ký, có người không phạm, tướng ấy thế nào?

Đáp: Trước đã lược rõ, nay lại chỉ rộng, cho là học biết giới tướng khéo thông đạt trì phạm tâm thường cân nhắc. Bỗng quên, mê mờ duyên do chẳng phải ý. Cho nên khai không phạm. Như chứa y, quá hạn, quên không thuyết tịnh, khéo nhiếp căn môn, bèn ngủ, ra chất bất tịnh, nâng

đỡ cây đá, lỡ tay làm chết người, các duyên như thế đều chẳng kết hạn. Trái với trên đều kết chánh phạm, thế nhưng nghiệp khổ chứa nhóm, sinh báo chẳng cùng. Dù thân miệng ô nhiễm trần cảnh, đã không có ba điều lành có thể phụ giúp, chỉ thêm ba nghiệp ác chuyển xoay khổ cực.

Do kinh nghiệm này sống có thể than thở.

Hai là dẫn chứng thành quả báo, như kinh Mục-liên Vấn Tội Báo nói. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, không có tâm hổ thẹn, khinh chê lời Phật, phạm Đột-cát-la, tội giới chúng học, như Tứ Thiên Vương thọ năm trăm tuổi, đọa vào ngục nê-lê, bằng số ngày ở nhân gian là chín trăm ngàn năm.

Tội Ba-la-đề-đê-xá-ni: như tầng trời ba mươi ba thọ mạng một ngàn năm, đối với nhân gian là ba triệu sáu mươi ngàn năm, đọa vào địa ngục.

Tội Ba-dật-đề, như trời Dạ-ma thọ mạng hai ngàn năm, đối với nhân gian là năm mươi ức sáu mươi ngàn năm.

Tội Thân-lan-giá, như trời Đâu-suất thọ bốn ngàn tuổi, đối với nhân gian là năm mươi ức sáu mươi ngàn năm.

Tội Tăng-già-bà-thi-sa: Như trời Bất Kiêu Lạc thọ tám ngàn năm. Đối với nhân gian là ba trăm ba mươi ức bốn mươi ngàn năm.

Phạm tội Ba-la-di, như trời Tha Hóa Tự Tại thọ mười sáu ngàn năm đọa vào địa ngục nê-lê, đối với nhân gian là chín trăm hai mươi mốt ức sáu mươi ngàn năm. Trong kinh Niết-bàn nói phạm tội Đột-cát-la như ngày tháng năm ở cõi trời Đao lợi, là tám mươi vạn năm, đọa trong địa ngục, không giống với văn kinh trên. Đây cho là số có lớn nhỏ, tức vạn vạn là tượng của ức, tự dẫn văn kinh trên đều là dịch đúng Phật Thuyết. Chẳng cho là mất tên người dịch, nghi ngại, chớ được buông tâm tội cảnh, từng không biết một điều phạm còn vào trong chốn hình phạt, phạm nhiều lý phải nhiều kiếp. Thời nay, người không biết giáo, phần nhiều tự hủy làm tổn thương nói: giới luật này cấm chỉ, là pháp của Thanh Văn, ta là Đại thừa, bỏ như đồng phân. Giống như lá cây vàng, trâu ngựa gỗ, cuồng cấm chỉ trẻ con. Giới pháp này cũng lại cuồng như thế, ông là đệ tử Thịnh Văn. Vốn là đại tiểu nhị thừa, lý không phân cách đối cơ. Giả sử thuốc trừ bệnh là trước, trước tâm ở vườn nai xướng gốc là Thanh Văn, tám vạn vị trời liền phát đại đạo. Ở hai cây sa la nói nhập diệt, cuối cùng hiển bày Phật tánh mà có thính chúng đắc quả thành La-hán. Từ đây suy ra, ngộ hiểu có tâm không chỉ là giáo chỉ. Cho nên ở đời, thấu đạt căn cơ, chúng sinh, những điều đáng

làm thì làm, ắt ấy oai nghi làm chính, nhưng do thân miệng mà phát ra việc, dùng giới để ngăn ngừa, ba độc khởi lên phải do tâm sai sử. Nay trước phải dùng giới ngăn ngừa, kể lấy định ràng buộc. Sau đó dùng tuệ giết, lý là như vậy. Nay có người hư hỏng, không biết địa vị của mình vọng từ bày nói là Đại thừa, khinh chê chân kinh, tự trọng giáo mình, tức Kinh Thắng-man nói Tỳ-ni chính là học Đại thừa.

Trí Luận nói: Tám mươi bộ chính là Thi ba-la-mật: kinh luận như thế không lọt vào tai, há không buồn sao?

Cho nên Kinh Ma-da nói: Nếu Tỳ-kheo trẻ tuổi ở trong chúng hủy báng tỳ-ni, phải biết đó là tướng pháp diệt.

Kinh Niết-bàn nói: Nếu nói, Như lai nói phạm Đột-cát-la như số tuổi ở trên nói đọa vào địa ngục. Lại là Như lai phương tiện, rõ người như thế, phải biết chắc chắn là kinh luật của ma.

Chẳng phải lời Phật nói. Lấy văn này làm chứng, Như lai đoán biết vị lai có việc đó. Cho nên trước nói dạy bảo để định tà chánh, không có sự lạm dụng, mà có đồng quần đảng ở trước, có thể gọi là dân ma. Lại kinh như Di Giáo, v.v... đều cho Tỳ-ni là Đại sư, nếu ta ở đời cũng không khác, thế nhưng cố trái nghịch thì tự chuộc ương họa, cho nên kinh Bách Dụ nói:

Xưa, có một vị thầy nuôi hai người đệ tử, mỗi đệ tử phải thường xoa bóp chân cho thầy. Đệ tử lớn ghét đệ tử nhỏ, bèn bẻ gãy chân người kia đang bóp, đệ tử nhỏ ghét lại bẻ gãy chân người kia đang bóp. Ví dụ người mới học Phương đẳng ngày nay chẳng phải là Tiểu thừa, người học Tiểu thừa lại chẳng phải phương Đẳng cho nên làm cho pháp điển đại thánh hai đường đều mất. Lấy đây làm chứng để biết, nay tự mắt thấy. Lại Bồ-tát lập giáo thông đạo cứu tục có duyên thì làm, không nhiễm bụi trần. Bạc Đại sĩ sơ tâm, đồng với luật nghi Thịnh Văn, chê bai tánh giới trọng không khác, tức trong kinh Niết-bàn, La-sát xin một chút phao nổi, Bồ-tát cũng không cho, thí dụ cho hộ trì giới Đột-cát-la.

Lại Trì Luận nói: Bồ-tát xuất gia thủ hộ giới cho nên không cất chứa tài vật. Vì công đức của giới hơn sự bố thí. Như ta không giết mà bố thí mạng cho tất cả chúng sinh. Lấy văn này làm chứng. Nay người lạm học Đại thừa, thực hành chẳng thể nói sự thật, thẹn mình hủy phạm nhằm lẫn, tự khen ngợi.

Ta có nói rằng: Giới là pháp nhỏ có thể xả bỏ, liền không chịu có thể giữ gìn. Lại không chịu há chẳng hợp với phiền não. Cuối cùng khó ngăn dụ lại đáng thương. Nay tăng ni đều thuận giáo, y theo pháp thọ giới, lý phải hộ trì, đây thì thành thọ, nếu không hộ thì theo thọ vẫn

không thành. Hình nghi có thể trụ trì Phật pháp.

Cho nên Tát-bà-đa nói: không có tâm ân trọng, không phát khởi không làm, dù cho thành thọ, hình nghi có thể trụ trì Phật pháp, lý phải đồng hộ. Thời nay thế phát xuất gia, bốn tăng yết-ma, già-lam lập bày dẫn dắt đạo tục, hễ làm những điều toàn là giới luật, nếu sinh thiện thọ lợi cần phải thân bình ngự, miệng nói ta sẽ làm. Nếu ô nhiễm giới khởi lên sai trái. Trái phạm lưới giáo, liền nói ta là Đại thừa không quan hệ gì đến Tiểu giáo. Cho nên Phật lập dụ Tỳ-kheo chim chuột, lừa mặc da sư tử, hủy báng chê trách, đầu đội trình bày hiển lộ. Sợ sau này người mới học không biết, bị trần làm nhiễm cho nên dẫn ra bày tỏ, còn sợ đồng nhiễm, buồn thay.

THIÊN THỨ MƯỜI BỐN: TÙY GIỚI GIẢI THÍCH TƯỚNG

(Thiên này dùng ý y theo luật điều. Nhưng vì chánh bốn trì phạm chưa đủ, lại trình bày ở dưới. Nay vì các thiên chưa đủ, sinh riêng một vị, làm cho các điều lý tùy tướng chỉ cho quỹ cách nhất định.

TỠ-KHEO CÓ 250 GIỚI

Trí Luận nói: Nếu chỉ nói danh tự thì có hai trăm năm mươi giới, trong Tỳ-ni thì lược nói có tám vạn bốn ngàn, nói rộng ra có vô lượng vô biên. Cho nên người xuất gia có vô lượng vô biên luật nghi, người tại gia không đủ thì ba-la-mật. Người xuất gia thì đủ giới độ.

Y theo đây tu hành, khéo biết chủng tướng, thì phát sinh định tuệ, chế phục phiền não. Nếu mờ tối duyên theo dòng nhiễm mê hoặc thì đâu thể ngược dòng sinh tử, mới bị trôi lăn trong đường khổ. Cho nên y vào giác xuất tướng hiển bày rõ trì phạm. Nhất định y theo đây thực hành. Ngõ hầu không có họa hại. Nay chỉ tùy theo giới chỉ riêng, bày tỏ thẳng tiến, nếu thông rõ tâm cảnh, đầy đủ trong khuôn phép trì phạm. Nhưng giới là con thuyền ra khỏi sinh tử, là tông yếu của người xuất gia. Người thọ lấy pháp giới làm lượng, người trì sừng vảy càng nhiều, là do mê muội bốn thuyên, tùy đắm nhiễm theo trần sa. Đây dù là được Bạc Thánh Hiền đồng khâm phục, nhưng sao được tránh né không luận bàn. Cho nên thẳng bút ghi, lược chia bốn thứ khác nhau:

1. Giới pháp, đây tức lá thể, đạo chung cho xuất ly.
2. Giới thể, tức là gốc sinh ra các hạnh.
3. Giới hạnh, nghĩa là phương tiện tu thành, thuận theo thể bốn thọ.
4. Giới tướng, tức thiên này nói rõ, bày chung thiên tục. Trước là

pháp giới thọ duyên đã rõ. Nay lược nêu hiển rõ biết nguyên do lối tắt. Lại chia ra bảy môn.

1) Nền tảng gốc của Thánh đạo. Như Thành Thật nói: giới như bất giặc, định như trời giặc, tuệ như giết giặc, ba điều này thứ lớp bậc Hiền thánh thực hành. Tức kinh nói, nương vào giới này được sinh thiền định, dứt được các khổ, phát sinh trí tuệ.

Lại luật nói: Vì điều phục ba độc hết nên chế tăng giới học.

Lại nói: giới là đầu mắt của hạnh căn, nhóm các pháp lành, thành tựu tam-muội. Lại Trí Luận nói: Nếu không có giới này, tuy hành các khổ đều gọi tà hạnh. Tức kinh nói, các công đức lành đều không sinh được. Ngoài ra rộng như trong giới bốn số nói.

2) Giới có đại dụng: Chư Phật lập giáo đều có công năng cao quý, giải thích nghĩa mỗi mỗi đều khác, lý phải lược nêu. Phạm bậc Tam Hiền sở dĩ được an, chín đạo sở dĩ thầy dạy, các hành quy về y chỉ vào Hiền Thánh, nhất định là tông và giới, cho nên luật nói:

Các Phật tử như thế, tu hành cấm giới bốn, đều không theo dòng tà, chìm trong biển sinh tử. Lại giới kinh chép: Nếu có người tự mình vì thân muốn cầu Phật đạo, phải tôn trọng chánh pháp. Đây là lời Chư Phật dạy, cho nên khi kết tập Ba tạng, lời dạy này được nói trước hết.

Luật Thiện Kiến nói: tạng Tỳ-ni, là mạng sống của Phật pháp. Tạng Tỳ-ni còn Phật pháp mới còn, cho nên trước hết kết nguyên do như vậy. Còn kinh chỉ nói rộng về sự giáo hóa hiển bày nhân quả. Sự tùy theo lý mà thông, lời nói không có gởi nhờ. Ý thật sâu xa, người hôn mê chưa thông đạt, tuy muốn tiến tu, ít được yếu chỉ, dính mắc vào tướng, do mê giáo chỉ. Nay giới luật đại tạng trụ trì công đức, những điều tạo ra đều thô hiện, vì người thì hình phục khác đời, pháp thì khuôn phép dùng có oai nghi, ở đã không giống tạp hạnh thế tục, rõ ràng tự khác. Do đời theo hưởng có pháp chạy theo liền thành, bèn có thể cương yếu không đọa vào địa ngục. Lại vì pháp có thể làm tư lương cho người, đích thân thành các hạnh, giúp cho người hoằng được pháp, cho nên luật nói: vì chúng hòa hợp nên Phật pháp được tồn tại lâu dài.

3) Lược giải danh nghĩa. Y theo bản phạm lập đủ ba tên gọi.

1. (Trước) nói về Tỳ-ni (hoặc nói tỳ-nại-da, hoặc nói tỳ-na-da)

Hán dịch là luật, tức trong mười tám pháp của Tứ Phần, Tỳ-ni và luật hai tên không đi chung. Lại Tăng Nhất nói có bảy thứ luật, nghĩa là bảy Tỳ-ni, hoặc vì diệt mất, phiên từ công năng để gọi, chứ chẳng phải chánh dịch, cho nên lấy luật dịch nói mới phải chính nghĩa.

2. Nói về Thi-la, Hán dịch là Giới, tức sáu độ đã nói làm chứng

tốt có thể biết.

3) Gọi là ba-la-đề-mộc-xoa, Hán dịch là Xứ xứ giải thoát, hiển bày ba loại thứ lớp tức là một hòa đầu đuôi. Luật thì y cứ vào giáo, giáo thì không cô khởi, nhất định nói rõ hành tướng giới thì do đó mà lập. Giới chẳng phải là nhân rộng không, ắt có quả rõ ràng. Cho nên giải thoát dứt ràng buộc đặc ở cuối.

Nói rõ về nghĩa của nó

Trước nói luật là pháp, nghĩa là phạm hay không phạm các pháp nặng nhẹ, và luật nói rõ tức là giáo thuyên.

Hỏi: Ngoài ra hai tạng cũng nói về hành pháp, sao không nêu tên gọi?

Đáp: Trí luận nói: Ngoài Tạng nói ý cũng còn định tuệ.

1) Trong đây hiển bày giới hạnh làm nền tảng của muôn điều lành, cho nên trước lấy tên pháp phát sinh hai điều sau. Cho nên trước nêu luật. Do năm chúng xuất gia, hình tướng y phục khác thế gian, hiển bày pháp bên trong cũng khác. Mà ngoại đạo thế tục lạm dụng đồng với Thánh tích không do đâu có sự mầu nhiệm đặc biệt, vì pháp trừ cho nên sáng lập tên gọi luật, dùng để hiển bày tri pháp, ngoài ra như thường giải thích.

2) Giới nghĩa như tạp tâm nói, nghĩa là thông pháp giới, rộng ra như Trí Luận nói giới, đời Tần dịch là tánh thiện.

Lại Kinh Thiện sinh nói: giới là điều chế, chế pháp bất thiện.

Hoặc nói: tánh hẹp hòi không dung ác, hoặc nói: mắt mẽ, ngăn lửa phiền não, hoặc gọi là thượng (lên), có thể lên cõi trời, đến đạo vô thượng. Đây chỉ từ công năng mà rõ tên. Hoặc nói theo tâm, như kinh nói học, học tâm điều phục v.v... Hoặc thành tựu thể, hiểu được giới làm, không làm. Như Tạp Tâm nói: Biệt giải thoát điều phục, vì thể là thiện, chẳng phải ác, vô ký. Nhân Minh Chánh nghĩa nói giới là tánh. Vì tánh có cả thiện lẫn ác. Loại ác luật nghi cũng chung khắp. Cho nên nói: bất luật nghi. Nếu lập tên giới này phải cấm. Pháp ác cấm pháp lành gọi là Luật. Đời trước thích giết thực hành thuận theo pháp này, gọi là nghi. Y cứ vào luật nghi trái với lời giải, đây là lấy giới theo giáo mà đặt tên.

Lại luật nói: Mộc-xoa nghĩa là giới, nhân này từ quả mà được gọi tên.

3) Nghĩa giải thoát. Gần thì rõ tên tùy phần quả, nghĩa là bảy điều thân miệng chẳng phạm duyên chẳng phải một, mỗi việc ngăn ngừa theo tướng giải thoát. Xa thì lấy giới đức, do giới mà thánh thành. Mong

người kia dứt lụy do vâng theo giới bốn. Cho nên luật nói: dứt trừ Kiết sử không ngại ràng buộc chấp trước. Do đây mà tiểu, ngoài ra như nói ở sau.

4) Cụ duyên khác nhau.

Nếu nói về thời mạng pháp. Chỉ nói về yết-ma một lần thọ, chắc chắn nhờ vào nhân duyên mới có thể đứng vững lâu dài. Tướng của sự duyên thọ ấy như môn trong quyển thượng, nhưng thọ là cội gốc Phật pháp đại cương của Tỳ-kheo. Lại lược nêu: Theo luận Tỳ-ni Mẫu nói có năm duyên.

1. Hòa-thượng đúng pháp

2. Hai A-xà-lê đúng như pháp: Nghĩa là việc mà đệ tử thấy nghe không phá giới, chịu làm nghĩa sự, là được giới hạn.

3. Tăng thanh tịnh: Nghĩa là người thọ ba căn không nhiễm, thông vọng thật sự. Tất cả trong sự thấy, nghe, nghi không phi pháp. Mới được thành thọ. Có ba căn cảnh không đủ số, tâm không đủ pháp, biết rõ sai trái. Cho nên thọ không thành.

4. Yết-ma thành tựu. Trong luận nói: Nếu ngôn ngữ không đủ trước sau không thứ lớp, nói không rõ ràng đều không thành thọ.

5. Chúng tăng hòa hợp gỡ dục. Nếu có tướng riêng chúng, như trong pháp túc số có nói, thọ cũng không được.

Lại nói: Nếu người tại gia thọ năm giới, tám giới cho đến mười giới, tùy theo hủy phá một giới trọng, người như thế, sau này xuất gia không đắc giới, không được làm Hòa-thượng. Tức là thuộc về nạn trước tiên trong mười ba nạn, còn mười hai nạn đồng. Tát-bà-đa nói: nếu người thọ năm giới phá giới trọng, về sau xả năm giới lại thọ năm giới, tám giới, mười giới, giới cụ túc, thì tất cả giới vô lậu thiên đều không được, cho đến phá giới trọng trong tám giới không được như trước. Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: Không ra ngoài giới trường, lại không kết đại giới, kết thẳng tiểu giới thì không được thọ giới cụ túc. Nay có người gặp nạn nhân duyên Kết tiểu giới thọ cũng là phi pháp. Đa Luận lại nói: Nếu tâm ân trọng, thì có làm và không làm. Người tâm khinh chê không phát, không làm. Lại như thọ, sau đó trì đủ có thể là nguyện hạnh tương ứng, nhờ luận đắc giới có thọ không trì, chỉ có nguyện rộng suông, không có hạnh để phụ, thì không đắc giới.

Luật nói: đồng giới với Tỳ-kheo, vì thọ trì đồng, có thể có đắc giới, người phạm giới trái với trên thì không có giới, cũng không có phạm.

Đa Luận nói: Khi yết-ma xong là do tâm thiện đắc, hay do tâm bất

thiện đắc, hay do tâm bất thiện và vô tâm mà đắc?

Đáp: Thông là đắc giới.

Hỏi: Nếu vậy vì sao luật nói: Sân, si cuồng loạn, người như thế không gọi là thọ cụ túc?

Đáp: Khi tác bạch, đủ bốn tâm trên, không gọi là đắc giới, nghĩa là duyên rộng ngoài ra tâm thiện, vô tâm duyên giới, lại không xếp vào loại vô tâm.

5) Hơn kém: Do lập môn này mà biết, giới là cốt lõi duyên lành để vào đạo, mới có thể giữ gìn không mất tướng. Bà Luạn nói:

1. Giới mộc-xoa, Phật tại thế có ít, nay nhiều hơn xưa, tất cả thiên vô lậu giới thời có hai:

2. Mộc-xoa hữu lậu có cả hữu tình và vô tình, vì rộng cho nên nói thảng, ngoài hai hạn cục về tình, vì hẹp nên không biết.

3. Mộc-xoa hữu lậu, vì từ lòng từ phát khởi công năng cao siêu, lấy Phật đạo làm nhân.

Bốn giới mộc-xoa. Đến bảy chúng, kể nối Ba thừa, Tam bảo, Tam Đạo, trụ trì công cương, ngoài điều hai không có công năng cho nên thấp kém. Năm giới mộc xoa chỉ đệ tử Phật mới có, còn thiên giới thì ngoài đạo cũng có. Luật Thiện Kiến nói: người cụ túc, mộc xoa trong các ánh sáng, các núi các sự học trong sự học của Tu-di, ánh sáng mặt trời, mộc-xoa là hơn hết, nên cho là cao siêu. Nếu không có Phật ra đời thì không có người đứng lập pháp này.

Sáu thọ tại y: Y theo tông của Tát-bà-đa nói giới không phát trị cũng không thọ trị, tội cũng không phạm trị, y bốn thường định. Cho nên trong tâm A-la-hán hạ phẩm như vậy. Vì sao giới có mạnh và yếu phải không?

Đáp: Đây đối với tùy hành vi, không luận thọ thể, cũng có thể làm giới tại một niệm tùy tâm một phẩm định, không làm vô tâm trọn đời tùy hạnh có thêm bớt.

Thành Luạn chép: Có người nói: Ba-la-đề-mộc-xoa có phát trị không?

Đáp: Trong một ngày thọ bảy thiện oai nghi, tùy chỗ đắc đạo lại được luật nghi mà vốn được không mất cao quý được tên.

Bảy thiện oai nghi: nghĩa là năm giới, tám giới, mười giới, cụ giới, thiên giới, định giới, đạo cộng giới.

Như Tát-bà-đa Sư Tư Truyện nói: Trọng thọ tăng là thượng phẩm, vốn hạ không mất.

Tăng truyện nói: niên hiệu Nguyên Hy năm thứ mười đời Tống,

Tuệ Chiếu chùa Kỳ Hoàn, v.v... cho đến vị Tăng người Thiên-trúc như Tăng-bạt-ma xem trọng việc thọ đại giới. Hoặc hỏi lý do ấy.

Đáp: Vì nghi thức thọ, hoặc trung hoặc hạ, vì cầu tăng sự cao quý. Nên phải trọng thọ, y vào bốn tháng chạp.

Bảy chánh nham thọ duyên; tôi nghe có người nói: Đất này thọ giới trước không theo như vậy. Dù người nay thọ ít, trái với duyên đủ lý được nghi gì?

Chỉ là tâm vâng giữ giới, phải chăng là hạn cục đặc giới. Bỗng nghe lời này không học bù ngùi, há là long trời lở đất người điếc không nghe.

Trời sáng người mù không thấy, đã đồng với sự biết, đâu vọng điều để nói. Cho nên trích dẫn Thánh giáo minh bạch rõ ràng. Đã duyên thành thọ hay không đủ không được. Đất này thọ giới cụ túc tăng truyền hiển rõ dù duyên cảnh có lạ, y theo pháp cũng có quyết rõ.

Như trong phần thọ ở quyển trước, có người đời Hán nói cảnh thọ duyên.

Từ lúc bắt đầu Hán Minh nằm mộng, Ca Trúc truyền pháp đã đến, lúc sắp đến Tào Ngụy, tăng đồ rất thanh hành chưa có bảm quy y thọ giới. Chỉ vì lợi lạc hơn thế tục. Thiết bày trái sám đồng miếu thờ. Sau đó có vị tăng người Trung Thiên-trúc là Đàm-ma-ca-la, Hán dịch là Pháp thời, tụng các bộ Tỳ-ni, đến niên hiệu Gia Bình đời Ngụy đến lạc Dương, lập yết-ma thọ pháp. Giới luật bắt đầu hình thành. Y cứ theo dùng mười tăng đại hạnh Phật pháp sửa đổi trước vọng học, trích từ Tăng-kỳ giới tâm. Lại có Sa-môn Đàm đế nước An-tức cũng biết về luật trích ở Đàm-vô-đức Yết-ma. Chính là bắt đầu đại tăng thọ pháp, duyên đầu tiên Tỳ-kheo-ni thọ giới cụ túc. Đến niên hiệu hiệu nguyên gia năm thứ 7 đời Tống, có Sa-môn nước Kế-tân tên Cầu-na-bạt-ma đến Dương Châu dịch các kinh như Kinh Thiện giới, v.v... Sau đó có tám người ni nước Sư Tử đến nói: đất Tống chưa có kinh mà có ni, đâu được hai chúng thọ giới.

Bạt-ma nói: Ni không làm bốn pháp, Đắc giới đắc tội, tìm chế ý của Phật pháp xuất đại tăng. Chỉ làm cho tăng pháp thành tựu, tự nhiên đắc giới. Cho nên bảo trước phải làm bốn pháp, chính là muốn phát sinh niềm tin làm phương tiện thọ giới. Đến khi đắc giới, khi đại tăng yết-ma, các ni khổ cầu lại thọ.

Đáp: Lành thay ! Tất cả giới định tuệ từ sự mâu nhiệm mà đến. Nếu muốn thêm rõ thì tùy hỷ. Lại bảo Ni phương Tây học nói, lại đến Trung quốc thỉnh ni đủ mười vị. Đến niên hiệu Nguyên gia năm thứ

10 có Tăng-già-bạt-ma, Hán dịch là Chúng Khải, giải thích Luận Tạp Tâm, vượt sa mạc đến Dương Châu, trước Câu-na hứa cho ni thọ lại, chưa đủ đã qua đời. Không lâu, có ni nước sư tử ba người như Thiết-tác-la, v.v... đến Kinh đủ mười vị liền thỉnh. Chúng khải làm thầy, ở trên đàn vi ni truyền lại. Trích ở cao Tăng, danh tăng, tăng sử, Tăng lục, và Tạp lục đời Tấn, Tống, cho nên lược xuất duyên khởi để làm khuôn phép mãi mãi.

- Giới thể, chia ra bốn môn:

1. Tướng trạng giới thể
2. Thọ tùy đồng khác
3. Duyên cảnh rộng hẹp
4. Phát giới số lượng

- Trong phần tướng trạng giới thể có năm môn.

1. Biện thể nhiều ít
2. Lập hai nguyên do tức giải danh nghĩa
3. Nêu ra thể trạng
4. Trước sau sinh nhau
5. Không làm nhiều ít

Trong phần biện thể nhiều ít nguyên do biệt giải thoát giới, mọi người đều thọ, và luận biết rõ chỉ có thể năm, ba người đều do trước không thông đạt, không hỏi rộng ra. Dẫn đến chánh thọ nhiều mà mù mờ thể tướng, mù trong mộng duyên thành mà thôi, luận được không man mác đồng hà hán. Cho nên trước đến với tùy tướng. Các môn chỉ rõ, y cứ biết mình đắc giới thành không, sau đó trì phạm mới có thể tu lia.

Hỏi: Giới biệt giải thoát có mấy loại?

Đáp: Nói về thể y cứ cảnh thật có vô lượng, giới vốn phòng ác. Vì duyên ác nhiều, phát giới cũng nhiều.

Cho nên kinh Thiện Sinh chép: Chúng sinh vô lượng, giới cũng vô lượng. Nay lấy nghĩa suy ra chỉ có hai loại: Tác và vô tác, hai giới đều thu, không có cảnh, không cùng tận. Hai lập hai nguyên do đều giải danh nghĩa.

Hỏi: Trong phần đầu sao không lập một và ba loại?

Đáp: Nếu đơn lập tác, tác thể tạ thì không thể ngăn quấy, lại không thể thường làm, cho nên phải vô tác, mãi ngăn quấy nếu đơn lập vô tác thì khởi không có sự bắt đầu, không thể có khởi phải nhờ làm mà sinh.

Hai pháp tướng nhờ không được lập một sao không lập ba?

Chỉ do đạo lý thể tướng trái nhau

1 Tác khác với vô tác

2 Tâm và phi tâm tánh khác, không thể hợp chỉ được lập hai, nếu sự phòng ngừa, tùy cảnh vô lượng, hai dẫn chứng:

- Như Bộ Tát-bà-đa nói: Nếu thuần trọng tâm, thân miệng không giáo.

1. Một niệm sắc đầu có thân khẩu giáo và vô giáo.

2. Trong niệm thứ hai chỉ có vô giáo, không có giáo ấy (giáo là tác không thể dạy người (khác).

- Kinh Niết-bàn nói: Giới có hai loại:

1. Giới tác

2. Giới Vô tác

Người này chỉ có tác, không có vô tác, nên gọi là giới, không đầy đủ tức như trên nói. Vì không tâm thuần trọng, không thể vắng hành, ý có không phát giới.

Lại Kinh Thiện Sinh nói. Mười pháp ác này hoặc có sắc tác, không có sắc vô tác. Hoặc có sắc tác và sắc vô tác, dụ như người tay cầm hương thân, vật hôi, ngói, gỗ, v.v... Các văn trên có hai chẳng phải rộng suông. Kế là giải thích danh nghĩa.

Hỏi: Đã biết hai giới, xin giải thích tên ấy.

Đáp: Nói làm, như người thợ gốm luôn tay làm gọi là Tác.

Cho nên Tạp Tâm chép: Tác là thân động, thân phương tiện nói không làm, một khát tiếp tục hiện trước sau thường có. Bốn tâm ba tánh không nhờ duyên biện. Cho nên Tạp Tâm nói: Thân động diệt rồi, và thức khác đều là pháp tùy sinh, nên gọi là Vô tác.

Phẩm Vô tác trong Thành Luận nói: Do tâm sinh tội phước, ngủ nghỉ, chết giấc là thời thường sinh, nên gọi là Vô tác.

Thế nào gọi là giới, giới ngăn pháp ác.

Kinh Niết-bàn chép: Giới là ngăn tất cả pháp ác. Nếu không làm ác thì gọi là trì giới.

Trong kinh Thiện Sinh nói rõ năm nghĩa, như trước chế ra cho người học cao giải. Ba là nêu ra xuất thế trạng, hai luận khác nhau.

Nay y theo bốn tông, y cứ vào Thành Luận để giải thích

Trước nói về tác giới thể, luận chép:

Dùng nghiệp thân miệng tư duy làm thể, nói về thân miệng chính là dụng cụ tạo thiện ác. Vì sao?

Như người vô tâm sát sinh không phạm tội sát, nên biết lấy tâm làm thể. Văn nói: ba loại nghiệp này đều chỉ là tâm. Là tâm không suy

nghi thì không có nghiệp thân miệng. Nếu chỉ sắc là thể của nghiệp thì nghĩa này không đúng, mười bốn loại sắc đều là vô ký chẳng phải tánh tội phước, lại có Luận sư lấy hai nghiệp thân miệng tương tục thiện, sắc thính làm giới thể, lấy sắc thanh tương tục nhập vào nhiếp sở đắc ý thức, đây là tánh tội phước.

Nói giới vô tác, lấy phi sắc phi tâm làm thể.

Phi sắc nghĩa là chẳng phải trần mà thành, dùng năm nghĩa chứng minh

- 1 Sắc có hình dáng, nơi chốn.
- 2 Sắc có mười bốn, hai mươi loại khác nhau.
- 3 Sắc có thể nào hoại
4. Sắc là chất ngại
5. Sắc là sở đắc của năm thức, Vô tác đều không có nghĩa này, nên biết là phi sắc.

Nói phi tâm: Thể chẳng phải duyên lự, nên gọi là phi tâm, cũng có năm loại để chứng minh.

1. Tâm là suy nghĩ biết
2. Tâm có sáng tối
3. Tâm chung ba tánh
4. Tâm có rộng lược
5. Tâm là pháp báo. Vô tác cũng không đủ nguyên do này

Lấy tự thứ ba phi sắc phi tâm làm thể. Văn nói.

Như trong kinh nói: người tinh tấn được tuổi thọ lâu dài, theo tuổi thọ dài mà được phước nhiều. Vì người này chẳng thường có tâm lành, lại ý không có giới luật nghi. Nếu người tâm bất thiện vô ký cũng gọi là trì giới, cho nên biết lúc ấy không có làm.

Kinh Niết-bàn chép: giới tuy không có hình tướng mà có thể giữ gìn, tùy chẳng phải xúc đối, nhưng khéo tu phương tiện thì có thể được giới cụ túc.

Thập Trụ Bà-Sa nói: giới có hai loại.

Tác là sắc, vô tác là phi sắc, bởi vậy dùng học rộng chứng thành phi sắc.

- Nói rõ hai giới trước sau.

Trước giải thích rằng: Như trâu hai sừng sống thì đồng thời. Cho nên, Đa Luận nói: một niệm đầu giới có đủ hai giá. Trong niệm thứ hai chỉ có vô giáo.

Sau giải thích rằng, vì trước sau mà khởi. Kinh Thiện Sinh chép: Pháp thế gian có nhân thì có quả. Nhân như cái kiếng khi soi thì có mặt

hiện. Cho nên biết giới tác sinh trước, giới vô tác khởi sau. Luận nói: khi làm đủ tác vô tác, đây là tác đủ vô tác, đều là nhân của giới. Đến yết-ma lần thứ ba xong nghiệp thì ấy đủ số.

Vì hai giới này tròn đầy, cho nên nói có tác, vô tác chẳng ngại, hình cụ vô tác chỉ là đời sau, cũng là lúc một niệm xong, hai giới rồi sau đó vô tác sinh.

5) Giải rộng nhiều ít, y như Đa Luận có tám loại vô tác.

1. Tác chung với vô tác, như làm hai nghiệp thiện ác, và làm phương tiện để sống.

2. Hình đều vô tác. Như thí vật không hoại, Vô tác thường tùy theo các vật công đức thường sinh, trừ ba nhân duyên.

1. Việc trước hủy phá
2. Nếu người này chết
3. Nếu khởi tà kiến

Không có ba loại này, thì việc thường có, duyên ác đồng với nó.

4. Từ dụng vô tác, như mặc thí y, nhập các thiền định, thì làm cho thí chủ được phước vô lượng. Duyên ác như năng lực của cây cung. Ví dụ ở đây có thể biết.

5. Dị duyên vô tác, Như thân tạo khẩu nghiệp phát khẩu vô tác, khẩu tạo thân nghiệp phát thân vô tác, v.v... Nếu theo Thành Luận thì thân miệng tạo lẫn nhau.

6. Trợ duyên vô tác. Như dạy người sát sinh, trộm cắp, tùy theo mạng đoạn, lừa chổ dạy phạm tội.

7. Mong mỗi vô tác, cũng gọi là vô tác, như người phát nguyện mở hội, may y, v.v... để bố thí, vô tác thường sinh.

8. Tùy tâm vô tác: có tâm định tuệ, vô tác thường sinh, cũng gọi là tâm đi chung.

Thành Luận chép: Ra vào thường có thiện tâm vì chuyển dần lên cao hơn. Ở đây nói tùy tâm, tùy tâm sinh tử thường có vô tác. Chẳng gọi là tùy định tuệ, biệt giải thoát không phải như vậy, chỉ tùy theo thân.

Kinh Niết-bàn chép: Sơ quả sinh nước ác, đạo đức không làm ác.

Trong tám loại trên, bảy loại trước chung cho pháp thiện ác ràng buộc trong cõi Dục, một loại sau là vô tác. Nếu là thiện thế gian thì hạn cục hai cõi trên. Nếu là pháp xuất đạo thì chẳng phải nghiệp của ba cõi.

- Thọ tùy đồng khác: hai loại vô tác có năm nghĩa đồng:

1. Danh đồng: Thọ theo chung gọi là Vô tác. (Thọ là giới thể của giới trường. Tùy nghĩa là thọ, sau đó đối cảnh mà hộ. Tâm của giới,

phương tiện khéo thành, gọi là vốn thanh tịnh).

2. Nghĩa đồng: Đồng ngăn bảy thứ phi pháp.

3. Thể đồng. Đồng lấy phi sắc tâm làm thể

4. Đối địch ngăn ngừa sai trái. Trong phần đồng thọ vô tác làm thể, đối với việc ngăn ngừa, bằng với vô tác.

5. Đa phẩm đồng như Thành luận, giới được phát lại hơn kém không nhất định.

Khác có bốn loại:

1. Trong thọ phát chung, lấy tâm nguyện tình vô tình tất cả cảnh đều được. Trong tùy vô tác phát riêng, hành không đốn tu, thứ lớp dần thành.

2. Ngăn dài khác nhau. Trong thọ vô tác có hình tướng nhất định. Trong phần tùy vô tác từ phương tiện có đủ sắc tâm. Việc dừng liền không, nên gọi là ngăn.

3. Rộng hẹp khác nhau. Trong thọ mặc cho ba tánh hằng có, tùy hạn cục tánh thiện, cả hai đều không gọi là hẹp.

4. Căn điều cả hai khác nhau: Thọ làm căn bản, vì tùy y vào thọ khởi nên gọi là chi điều, hai loại làm có năm thứ đồng.

(1) Tấn đồng. (2) Nghĩa đồng. (3) Thể đồng. (4) Ngăn đồng. (5) hẹp đồng.

Chỉ hạn cục tánh thiện cho nên y theo để biết.

Có bốn loại dị:

(1) Trong thọ dứt chung, trong tùy dứt riêng.

(2) Thọ vốn tùy điều.

(3) Thọ là ngăn ngừa, trong tùy đối trị.

(4) Thọ là một phẩm cuối cùng đến Vô học, tùy một phẩm định. Trong tùy làm giới nhiều phẩm. Do cảnh có hơn kém, vì tâm có sâu cạn. Tâm chia ba phẩm không ngại. Vì vốn thọ là hạ phẩm.

Tạp Tâm chép: La-hán có giới hạ phẩm, Tỳ-kheo trẻ có giới thượng phẩm.

- Nói về duyên phát giới, cảnh rộng hẹp.

Phần duyên thọ ở quyển thượng đã lược về phương pháp phát giới.

Nhưng vì tâm khởi theo cảnh, nay nói rộng để biết được chỗ cao rộng của giới đức. Cũng làm cho người trì có sự cố gắng mạnh mẽ. Tự Trung có bốn loại:

1) Tâm năng duyên. Duyên trong tâm hiện tại nối nhau.

2) Cảnh sở duyên: cảnh chung cho ba đời, như cảnh kẻ thù, tuy

quá khứ đã khởi tâm ác chặt đứt thân chết kẻ thù, hiện tại kẻ thù có nghĩa đáng hoại, các cảnh vị lai có thể y cứ theo mà biết, cho nên duyên ba đời mà phát giới.

Thành Luận hỏi: Chỉ vì ở hiện tại được luật nghi, theo chúng sinh ba đời được ư?

Đáp: Chúng sinh ba đời được, như cúng dường bậc tôn túc quá khứ cũng có phước, luật nghi cũng như vậy.

3) Được phát giới trong tâm hiện tại nối nhau.

4) Phòng phi: chỉ ngăn ngừa lỗi quá khứ, vị lai, hiện tại, không ai có khả năng ngăn ngừa.

Lại giải thích rằng:

1. Chuyên tinh tấn không phạm giới, ngăn tội chưa khởi.

2. Phạm rồi có thể sám hối, làm cho giới thanh tịnh trở lại, tức trừ lỗi đã khởi. Ngoài ra như trong giới bốn sơ lược. Như thế thì duyên cảnh ba đời có tội ở hiện tại, hai cảnh quá khứ vị lai. Chỉ có thể khởi tâm, nói ba đời phát. Nếu y cứ đặc giới, chỉ một niệm ở hiện tại.

Thành Luận chép: Từ bi bố thí có phước, giới cũng có như vậy, vì chung ba đời, đều cùng thích ý.

Lại nói: công đức từ bi chúng sinh đầy đủ, chỉ thông hiện tại. Quá khứ, vị lai đã tạ. Giới thì không như vậy, điều cốt yếu tâm phải cùng khắp. Nếu làm nghiêng lệch hạn cục một bề thì không được, cho nên Đa Luận chép: Vì tâm ác tùy giới có thêm bớt.

Hỏi: Giới theo ba đời phát, chỉ ngăn lỗi hai đời?

Đáp: Nếu nói về thọ thân một mình không thể ngừa, chỉ là dụng cụ ngăn ngừa, phải cần hành giả bình trì.

Vì tùy theo vật chất thọ, mới thành ngừa tội, không phòng hiện tại vì không thể được. Nếu không giữ tâm thì thành tội nghiệp. Nếu có chánh niệm thì quá khứ không sinh. Nhưng vì tùy theo vật chất thọ, làm cho tội vị lai phát khởi, vì không khởi nên ngừa lỗi vị lai. Nếu không có sự thọ ấy, thì tùy theo không có chỗ sinh. Đã khởi nghiệp ác gọi là lỗi quá khứ. Vì hộ thân không làm cho trần nhiễm, sám hối dứt trừ nghiệp xưa. Gọi là lỗi quá khứ. Nếu giới hủn là ngăn ngừa điều sai, thì điều sai làm sao khởi?

Đáp: phải có hành giả, ở trong tùy phương tiện bình trì chế kháng mới gọi là ngăn quấy. Thí như thành ao để đánh giặt, ngoài ra như trong giới bốn sơ giải.

- Nói phát giới nhiều ít, lược nói như trên. Nay lại nói, vì thế tục phần nhiều mê mờ, cho nên thứ lớp cân nhắc.

Vì ý còn biết tướng, biết pháp, tự cứu giúp cả người. Nhưng con số phát giới tùy cảnh vô lượng. Tóm lại, chẳng qua tình và vô tình hai để có không nhiếp tướng đều hết, mặc cảnh hiện rõ. Nói lược thì giới: đất, nước, lửa, gió, không thức, và năm trần sắc, thanh hương, vị, xúc. Cho đến pháp như thế pháp giới v.v... trong ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại. Và chúng sinh sáu đường hướng ngoài bốn sinh trung ấm cũng phát được giới.

Câu-xá nói: giới từ tất cả chúng sinh mà được định, phần nhân bất định, vì sao? Vì không được từ một loại chúng sinh mà được?

Phần bất định: Có người từ tất cả phân đặc giới, nghĩa là thọ giới Tỳ-kheo, có người từ bốn phần được, nghĩa là thọ các giới khác, tức năm giới, tám giới, mười giới.

Nhân bất định, có hai nghĩa.

1) Nếu lập vô tham, sân, si làm giới sinh nhân, từ tất cả mà được vì không lia nhau.

2) Nếu lập ý thượng trung hạ phẩm từ giới sinh nhân, thì không từ tất cả mà được. Nếu không từ tất cả chúng sinh mà đặc giới thì không có, vì sao? Vì khắp chúng sinh khởi điều lành mới được. Khác ở đây thì không được. Vì sao ác ý như thế mà không phạm, cho nên nếu người không làm năm loại phân biệt thì được giới mộc-xoa.

1. Đối với chúng sinh nào đó, tôi lia sát sinh, v.v...

2. Đối với phần nào đó tôi giữ gìn.

3. Đối với chỗ nào đó giữ gìn.

4. Lúc nào đó tôi giữ gìn.

5. Duyên nào đó không giữ gìn, trừ sự chiến đấu.

Người thọ như thế được thiện mà không đặc giới.

Đối với cảnh không phải sở năng làm sao đặc giới.

Do không hại mạng tất cả chúng sinh nên mới đặc giới.

Nếu từ cảnh sở năng mà đặc giới, thì đây có lỗi tổn giảm. Vì năng chẳng phải năng cùng chuyển sinh. Như thế thì lia bỏ nhân duyên đặc xả, đặc giới, xả giới. Nghĩa này tự thành. Dù lia nhân duyên đặc xả, ở đây có lỗi gì? Vì tâm ác không chết cho nên không thành dùng khắp.

Luận Tỳ-Bà-Sa hỏi: Nếu như cỏ cây, v.v... chưa có, có khi sinh diệt, há chẳng phải thêm bớt, chúng sinh nhập niết-bàn là chẳng bớt, giải nghĩa thành bốn câu.

1. Tâm xong cảnh không xong, bậc Thánh không phiền não. Vì cảnh bất tận, giới không mất.

2. Cảnh xong tâm không xong, nhập niết-bàn cỏ chết giới không

mất, vì còn tâm tội lỗi.

3. Tâm cảnh đều không xong, có thể biết.

4. Tâm cảnh đều xong.

Khi căn chuyển không đồng giới mất.

Tát-bà-đa chép: Trên chẳng phải chúng sinh cũng được vô lượng giới công đức lành. Như Tam thiên thế giới, dưới đến mé đất, tồn thương như bụi, đều phạm tội. Đối ác thành thiện, mỗi chỗ bụi đều được thiện giới. Cho đến một cọng cỏ, một lá cây, một cành hoa, trái lại tội thuận theo phước, đều vào cửa giới, nên kinh Thiện Sinh chép:

Đại địa vô biên, giới cũng vô biên, cỏ cây vô lượng, giới cũng vô lượng. Hư không biển lớn, giới đức cao sâu cũng giống như vậy. Lấy văn này để làm chứng lý chung cả pháp giới, nghĩa phải tôn kính.

Đa Luận Lại nói: Đối với Tam thiên đại thiên thế giới, dưới đến A-tỳ, trên đến tầng trời Phi tưởng, đối với tất cả chúng sinh đáng giết, không đáng giết, cho đến đáng khinh, không đáng khinh. Mỗi loài chúng sinh này cho đến Như lai có mạng sống, vì ba nhân duyên mỗi duyên đều đắc giới. Lại dấy đây suy ra, tăng ni xuất gia và ba chúng dưới vâng giữ giới đức, tôn trọng chánh tín, địa vị cao như trời người đều đo đây mà ra. Vì đích xác tự giữ phước đức hằng trôi chảy.

Luận Minh Liễu nói: bốn vạn hai ngàn sông phước thường chảy, giải thích rằng: nghĩa là bốn vạn hai ngàn chỗ học tất cả thường chảy. Giống như nước sông, gọi trừ phiền não, phá giới.

Nói bốn vạn hai ngàn là: giới căn bản có bốn trăm hai mươi giới, cho nên như vậy.

Như luật Bà-Tẩu-Đẩu chép: giới có hai trăm, phần nhiều nói về giới khinh, Ưu-Bà-Đề-Xá nói: Có một trăm hai mươi một giới, phần nhiều nói về giới trọng, Tỳ-kheo-ni biệt giới có chín mươi chín giới, hợp thành bốn trăm hai mươi giới. Mỗi giới này có nhiếp mười công đức của tăng. Mỗi công đức có công năng sinh ra mười thứ chánh hạnh, nghĩa là năm căn: tín, tấn, niệm định, tuệ; Ba thiện căn: Vô tham, vô sân, vô si. Và thân miêng.

Một giới tức là một trăm giới, hợp thành bốn trăm hai mươi giới, há chẳng phải là bốn vạn hai ngàn ư? Lại giải thích rằng: Người vô nguyện Tỳ-ni, nghĩa là khi yết-ma lần thứ ba xong, bốn vạn hai ngàn chỗ học một lúc cùng khởi. Không có một giới nào không sinh, nên gọi là vô nguyện. Y cứ vào đây để tìm giới đức thường trôi chảy.

Hỏi: hai chúng tăng ni số giới có khác nhau, vì sao vô nguyện Tỳ-ni nói thẳng có bốn vạn hai ngàn?

Giải: Ở đây nêu chung hai chúng để nói, lấy lý thật mỗi chúng đều tùy theo bốn giới.

Lại giải thích: Lấy nghĩa chuyển căn làm chúng, Tỳ-kheo phát khởi được ni giới đều được bốn vạn hai ngàn.

Kế đối với bảy chúng phát giới nhiều ít.

Theo Tát-bà-đa thì năm giới: đối với tất cả chúng sinh. Cho đến Như lai đều được bốn giới, vì không có ba độc. Gốc lành được mười hai giới. Đồng thời một thân hoàn toàn trong Tam thiên thế giới, tất cả rượu vào cổ họng đều được ba giới. Vì khi thọ tất cả đều đoạn dứt, dù cho rượu diệt tận, La-hán nhập niết-bàn, giới thường thành tựu. Y theo nghĩa này để suy ra trên thân người nữ có ba chỗ dâm. Trên thân người nam có hai chỗ dâm, phát sinh là do ba độc. Phối hợp riêng thì người nữ được mười tám giới, người nam mười lăm giới, loài vô tình một giọt rượu cũng được ba giới.

Phát tám giới chúng sinh đồng với ở trên. Vô tình được năm giới, mười giới của ba chúng hữu tình và vô tình, đồng với Đại tăng phát.

Văn luật Tứ Phần đều phát bảy chi giới. Văn giới dưới đều kết tội cát-la.

Như vậy vì sao bày ra mười, đây chỉ dạy điều căn bản thích làm. Nói về tướng thì biết sớm. Ngoài ra, Hòa-thượng dạy kỹ, cho nên ba quy y yết-ma đều không có văn về số giới. Trong phần thuyết tướng mới nêu mười bốn, hai loại giải: Nếu y cứ vào tạng ni, y cứ theo Luận Bà-Sa thì mỗi chúng sinh thân và miệng có bảy chi. Vì tham sân si khởi nên thành hai mươi một giới.

Nay nghĩa y theo ba độc sinh khởi lẫn nhau, chia đều hai, ba phần lẽ ra có bảy môn. Người nữ có chín xứ, nam có tám xứ, bảy độc trải qua như vậy, trên thân người nữ có sáu mươi ba giới. Trên thân người nam có bảy trở lên não hại người, có năm mươi sáu giới. Giới của vô tình mỗi loại được bảy giới, lấy đây mà chia ra làm bày. Trong pháp giới địa hữu tình và vô tình mỗi loài được các giới vô lượng vô biên.

Cho nên trong Kinh Thiện Sinh có năm loại làm lượng

Chúng sinh, đất đai, cỏ cây, biển lớn và xứ không dụ cho giới đức lượng như phân tuyết ở trước.

Hỏi: Bảy chi nhiếp giới có hết không?

Đáp: Hết, nếu có nhiếp mà không hết vào trong bảy chi như phối hợp loại giới để nói.

Lại nói: Nhiếp giới bất tận vì tánh tội khác nhau. Như giết, đánh cả hai đều khác. Có thể phòng thể khác. Cho nên Kinh Thiện Sinh

nói:

Trừ giới thiện ác rồi lại có nghiệp giới, gọi là pháp thiện ác, nên biết căn bản bảy chi điều thu nhận. Chứng loại nghiệp giới được nhiếp nên làm thành bốn câu.

1. Thiện mà chẳng phải giới, nghĩa là trong mười giới là ba giới sau, luật không chế riêng tâm phạm.

2. Giới mà bất thiện, tức luật nghi ác.

3. Vừa thiện vừa ác, trong mười điều lành là bảy chi trước. Vì không phải mong cầu. Do tu hành nên gọi là Thiện, trái lại ở đây sách tấn khuyên răn nên gọi là giới.

4. Cả hai đều sai trái, thân miệng vô ký.

Hỏi: Giới và hành tướng của luật nghi khác nhau thế nào?

Đáp: thông hành không bờ mé là luật nghi, đối cảnh cấm ngăn là giới nghi. Như Tỳ-kheo đủ duyên, thọ rồi thấy sống bất sát. Nhìn một cảnh này gọi là giới trì sát.

Nhìn bốn cõi khác gọi là giới trì sát. Mạng sống khác không giết thì không phạm luật nghi. Nếu thành tựu luật nghi ác thì giải. Muốn giết một con dê gọi là ác trì giới, mong các loài khác có sinh mạng đều tội là trì luật nghi.

3) Giới hạnh: nghĩa là thọ tùy theo hai giới, y cứ bên ngoài chẳng phải phương tiện thiện giới, nên gọi là giới hạnh. Cho nên thọ là suy nghĩ mong cầu. Xứng theo lời nguyện mà tu hành, thí như xây dựng nhà cửa, cung điện, trước phải lập tường viện khắp vòng tức là đàn tràng thọ thể. Sau đó tùy chỗ mà xây dựng hết ở một đời. Nghĩa là sau khi thọ tùy vào hạnh. Nếu chỉ thọ mà không có tùy, chính là nguyện suông, không khỏi ngăn che chỗ suông. Nếu chỉ có tùy mà không có thọ hạnh này, hoặc tùy sinh tử, thì là hạn hẹp không cùng khắp. Thí dụ đồng không có viện nhà thì không khỏi giặc cướp đục khoét. Phải cần thọ tùy tướng tự chất mới có sự đưa đến.

Hỏi: Nay thọ giới cụ túc với lấy quả vui là Thọ hay Tùy?

Đáp: Thọ là duyên giúp, chưa có công hạnh, phải nhân tùy đối cảnh phòng định, vì tùy hạnh này đạt được quả Thánh không đích thân thọ thể. Cho nên biết, một khi thọ rồi thì suốt đời về sau phương tiện chánh niệm giữ gìn gốc đã thọ. Chảy vào tâm hành ba thiện làm thể, cho nên nói giới hạnh tùy tướng để tu.

Nếu chỉ có thọ mà không có tùy hạnh thì lại là khinh giới, trôi vào biển khổ, chi bằng không thọ, không có giới để trái. Bởi vậy hành giả phải khéo biết nghiệp tánh rõ ràng, chẳng nên lạm thuật.

4) Nói về giới tướng: nói về tướng, thì có cảnh đây là duyên, miên mật hằng nhiếp, tâm cùng khắp. Nay y cứ vào giới bốn thì mọi người đều tụng trì, tướng văn dễ rõ, trì phạm chẳng lạm. Ngoài ra, muôn cảnh đâu được rơi rớt, nói y theo lệ tướng, thừa biết cương lãnh. Giới dâm thiên đầu trở xuống được chia làm ba:

1. Gọi là phạm cảnh
2. Thành tướng phạm
3. Khai pháp không phạm

Lược biết trì phạm, rộng ra như thiên dưới. Ngoài ra nghĩa đều như trong giới bốn số.

Trước nói về cảnh phạm, luật Tăng-kỳ chép: Thật đáng sợ không gì hơn người nữ, làm hư hoại chánh đức đều do người nữ mà ra. Người tâm nhiệm xem, phạm tội việt Tỳ-ni, Thanh văn khởi nhiệm cũng vậy.

Trí Luận chép: Dâm dục tuy không nào loạn tâm chúng sinh. Vì tâm ràng buộc nên phạm tội lớn, vì vậy trong luật nói dâm dục đứng đầu.

Lại, pháp Tỳ-kheo thời nay chấp trước niết-bàn, cho nên trong luật Tứ Phần nói phạm cảnh, nghĩa là, người chẳng phải người, (Thiên tử, quỷ thần) súc sinh ba cõi. Y cứ vào báo ứng thì nam nữ hai hình; y cứ vào xứ thì người nữ ba đường. Nghĩa là đường đại, đường tiểu và miệng, nam thì hai đường, đây là chỗ dâm. Nếu thức, ngủ, hoặc chết chưa hoại, hoặc hoại phần ít, nhưng cho vào chỗ dâm một chút như đầu sợi lông đều phạm Ba-la-di, Luật nói:

Thuộc về trâu, ngựa, heo, chó, bất luận tâm khởi tướng nghi, nhưng chánh đạo này đều trọng. Ngoài ra, Ma-đặc-lặc-già nói rõ đủ về phần phạm. Nhưng lỗi dâm thô hiện, người đều biết sai, trong luận hỏi phạm, phạm đều kết chánh. Y cứ vào tướng nói lỗi thì tai không muốn nghe. Hoặc dẫn đến khinh cười sinh nghi, sinh lạ. Cho nên, Luật Thiện Kiến nói: Pháp sư nói lời bất tịnh này người nghe nói chớ kinh sợ, sinh tâm hổ thẹn, đốc lòng đối với mới Phật. Vì sao? Vì Như lai từ bi thương xót chúng ta, Phật là vua của thế gian, lia ái nhiệm, được thanh tịnh. Vì thương xót chúng ta nên nói lời ác này là kết giới. Cho nên lại quán công đức của Như Lai không có tâm chê bai ghét bỏ. Nếu Phật không nói việc này, thì chúng ta làm sao biết được tội Ba-la-di. Có người cười đuổi ra.

Kế, tướng thành phạm có hai duyên:

(1) Tự có tâm dâm hưởng về cảnh trước. Dù có nhưng bên trong ngăn cách nhau, chỉ vào chừng sợi lông kết thành đại trọng, đủ bốn

duyên thì thành.

1/ Cảnh chính (nam thì hai đường, nữ thì ba chỗ)

2/ Khởi tâm nhiễm (nghĩa là chẳng phải lúc ngủ say, v.v...)

3/ Khởi phương tiện

4/ Hợp với cảnh liền phạm

(2) Nếu bị kẻ thù ép buộc hoặc đem đến trước cảnh, hoặc đến chỗ thân Phật khai thân biết chế ngự làm cho không nhiễm, cũng đủ bốn duyên.

1/ Chánh cảnh (bất luận mình, người)

2/ Bị kẻ thù ép buộc

3/ Hợp với cảnh

4/ Thọ lạc liền phạm

Luật Thiện Kiến chép: Người dâm không thọ vui, như để nam căn vào miệng rắn độc, vào lửa, là tướng không nhiễm.

Hỏi: Giới dâm này kết phạm chung cho cả đũa cười, không phải như lấy nam căn của đũa bé giỡn để vào miệng, cố nhiên không có tâm dâm?

Đáp: Tâm dâm khó biết.

Theo luật nói: Tâm ái nhiễm là ý dâm dục, đều phạm tội trọng.

Luật Ngũ Phần nói: Nếu người xúc chạm mà vui thích thì phạm thấu-lan-giá.

Nếu không phải đùa giỡn thọ chạm vào cũng vậy.

Luật Thập Tụng nói: Trong miệng nếu quá răng là thành phạm, còn hai đường thì không có khai.

Luật Tứ Phần chép: Nếu kẻ thù cưỡng cầu nam căn cho vào ba phạm cảnh, trong ba thời tâm không có vui thì đều không thành phạm, tùy theo mới vào, vào rồi, khi ra trong mỗi lúc có ý dâm đều phạm nặng, nếu là kẻ thù cưỡng nắm Tỳ-kheo, hai chỗ hành bất tịnh, mới vào biết ưa thích phạm trọng, cho đến cách bên trong bốn câu cũng vậy. Hoặc có trong việc này, chỉ răng trong miệng. Chỉ có cảm giác ngón tay đau thì khỏi tội trọng. Như trước nói trong lửa, trong miệng rắn độc.

Luật nói: Thân chết hoại một nửa, hoại phần nhiều, và bộ xương mà hành bất tịnh phạm thấu-lan-giá. Giới dâm này kết phạm không đợi xuất tinh. Chỉ khiến hành trong xương thịt đều phạm thấu-lan-giá. Nếu vốn ý làm xuất tinh, tinh xuất phạm Tăng tàn.

Như giới bốn sơ nói vốn chẳng phải ý Tăng tàn, mà chỉ là đường thẳng đều phạm, cho nên Luật Thiện Kiến chép:

Dù bị chặt đứt đầu và hành dâm trong cổ, trong miệng của người

chết cũng phạm trọng.

Luật nói: Nếu tăng ni dạy nhau, làm không làm đều phạm cát-la làm thì người dạy phạm thâu-lan-giá, không làm phạm cát-la, ba chúng dưới dạy nhau làm hay không làm đều phạm Đột-cát-la, làm thì diệt tẩn, phạm cát-la là khác. (cho đến thiên dưới đồng phạm cát-la).

3) Nói về không phạm: Nếu ngủ say không hay biết (nghĩa là khai cho kẻ thù đến ép buộc thân phần) không thọ vui (nghĩa là khai cho kẻ thù sẽ tạo cảnh khác) tất cả không có ý dâm (vì không có tâm ái nhiễm ô) đều không phạm.

Giới thứ hai là ăn trộm, tánh giới bao gồm nặng nhẹ. Trong tánh trọng vì ăn trộm khó che chở cho nên các bộ đều nói rõ. Còn giới khác y cứ nói chung mà thôi. Nói về giới này đều thuật trong quyển 3 và quyển 5, nhất định khéo thêm vào mới có thể khỏi hoạn. Có chỗ nêu riêng: Giới trộm này dùng vào sao riêng, đề nén cũng là ý khuyên răn. Cuối cùng đều phải xem khắp, thứ lớp trình bày rõ ràng, trong cảnh phạm trước. Nghĩa là sáu trần, sáu đại, vật có chủ. Người khác tiếc giữ phi lý đưa đến tổn hoại, pháp này thành phạm. Nếu vật không có chủ và vật của mình, hoặc duyên sai cảnh đoạt tâm lương nghi chuyển, tuy có tâm trộm lấy mà trước chẳng phải cảnh trộm, đều không kết phạm.

Chỉ có bốn tâm phương tiện.

Hỏi: Thế nào gọi là vật vô chủ?

Đáp: Luật Thiện Kiến nói: con cái làm việc ác, cha mẹ đuổi đi, sau đó cha mẹ chết, vật ấy là vô chủ, dụng thì không tội. Bộ Tát-Ba-Đa nói: Giữa hai nước, hai bên đóng kín ranh giới, nơi ấy chỗ đất trống có vật gọi là vô chủ.

Lại nói: nếu nước tan, vua bỏ chạy, vua sau chưa thống lãnh, trong đó có vật là vô chủ, tức như người thế tục làm cho núi sông rừng rậm rạp không ai giữ gìn, nếu trước thêm công sức thì không được trộm cắp.

Trong phần thành tướng phạm, duyên chung có sáu thứ:

1. Vật có chủ.
2. Nghĩ là chủ.
3. Có tâm ăn trộm.
4. Vật quý giá.
5. Làm mọi cách.
6. Nêu lia chỗ cũ thì đủ thành phạm.

Nay y vào duyên phạm lần lượt giải thích.

- Trong phần duyên đầu (vật có chủ) lại chia ra ba loại:

1. Ăn cắp vật của Tam bảo

2. Ăn cắp vật của người
3. Ăn cắp vật không cất giữ

Trong phần vật của Tam bảo trước nói sự đúng sai của người tri sự.

Sau đó giải thích về trộm cắp khác nhau. Vì vậy, nếu không biết tường tận về luật nghi, khéo thông dụng cho, đồng thời tâm thấy xử phân phần nhiều ăn cắp tổn hại, tương như ở sau sẽ nói. Cho nên các kinh như Bảo Lương Đại Tập, v.v... nói: Vật của Tăng khó giữ, Phật pháp vô chủ, tôi cho rằng hai loại người giữ vật của Tam bảo:

1. A-la-hán

2. Tu-đà-hoàn. Sở dĩ như vậy, vì các Tỳ-kheo khác giới không đầy đủ, tâm không bình đẳng, không cho người này làm Tri sự lại có hai loại:

1. Có thể trì giới thanh tịnh, hiểu biết về nghiệp báo
2. Sợ tội đời sau, có tâm hổ thẹn và tâm hối hận.

Hai người này không có mụn nhọt bảo hộ ý người khác. Việc này rất nói, đồng với Thánh giáo như thế tức là lời khuyên răn lớn.

Nhân tức phạm, vì ngu si kiêu mạn, cho nên luật nói:

Ta nói người này ngu si phạm Ba-la-di (đều không nương vào lời dạy của Phật, lòng sư mịt mù phạm đại tội)

Nay nói về vật của Tam bảo, chia ra bốn môn khác nhau:

- 1 Trộm dùng
- 2 Dùng chung với nhau
- 3 Xuất ra cho vay
- 4 Đem vật Tam bảo đãi đấng đạo tục

Trong phần một (trộm dùng), trộm vật của Phật, đứng nhìn bên Phật không phạm tội ăn trộm. Vì Phật đối với Phật không có tâm ngã sở, không có ngã hại. Cho nên chỉ phạm thâu-lan-giá. Vì đồng nhiếp với vật của phi nhân.

Thập tụng nói: Trộm tượng thiên thần kết tội thâu-lan-giá.

Kinh Niết-bàn lại nói: Xây dựng chùa Phật, dùng hoa báu cúng dường, không hỏi mà lấy, hoặc biết hay không biết đều phạm thâu-lan-giá. Nếu có chủ giữ gìn vật của Tam bảo đều kết tội trọng. Không có chủ giữ gìn muốn đoạn phước của thí chủ đều kết tội. Cho nên Tỳ-nại-da nói: Nếu trộm cờ phướn lọng báu trong tháp Phật và tháp Thanh văn đều mong đoạn phước của thí chủ thì kết tội, cho nên trong Ngũ Bách Vấn nói:

Trên tháp quét rác cho sạch sẽ, không được ác dụng

Bộ Ma-đắc-lặc-già nói: Trộm vật trong miếu của phi nhân có người giữ gìn phạm tội trọng.

Thập Tụng nói: Trộm vật trong tháp Phật, đồ cúng dường trong tịnh xá, nếu có người giữ gìn thì tính giá trị thành phạm.

Trong Kinh Thiện Sinh chép: Cũng từ người giữ tháp mà phạm tội trọng.

Không nhìn bên Phật mà kết, cho nên y cứ theo người giữ vật mà kết, như phân biệt trộm vật của người, nếu trộm để cúng dường thì không phạm.

Luận Tát-bà-đa chép: Trộm tượng Phật.

Thập Tụng chép: Trộm xá-lợi đều tịnh tâm cúng dường, tự nghĩ người kia cũng là thầy, ta cũng là thầy, ý nghĩ như vậy không phạm. Trong bộ Ma-đắc-lặc-già nói: Trộm tượng Phật, Xá-lợi không đủ năm tiền phạm trâu-lan-giá, đủ năm tiền phạm tội trọng.

Tát-bà-đa nói: Chuyển bán, là nếu trong tháp Phật có chim chết, và được vật khác, chỉ để tháp dùng, dùng các vật khác đều phạm tội trộm, về trộm pháp thì pháp là vô tình, không có tâm ngã sở.

Trong luật kết tội trọng, y cứ vào người chủ giữ mà kết.

Văn nói: Bấy giờ, có Tỳ-kheo trộm quyển kinh của người.

Đức Phật bảo tính giấy mực mà kết tội trọng, vì Phật nói vô giá.

Thập Tụng, Ma-đắc-lặc-già, Tát-bà-đa đều y cứ vào người chủ giữ vật mà kết phạm.

Luật Ngũ Phần nói: Trộm kinh, tính giấy mực, công việc, đủ năm tiền phạm tội trọng.

Ma-đắc-lặc-già nói: Trộm kinh đủ năm tiền phạm trọng, không đủ phạm khinh.

Trong Ngũ Bách nói: Không được dùng miệng thổi bụi bặm trên kinh, trên tượng chuẩn theo đồng. Nếu đốt kinh cũ phạm tội trọng như thiêu đốt cha mẹ, người không biết có tội phạm khinh.

Thập Tụng chép: Mượn kinh mà chống cự không trả, khiến chủ sinh nghi phạm trâu-lan-giá, đó là do tâm chưa bỏ cho nên như vậy.

Kinh Chánh Pháp Niệm nói: Trộm phương pháp bí mật chép tay phạm tội trọng.

Hỏi: Như trong luận nói: Trộm tượng Phật, Xá-lợi cúng dường không phạm, trộm kinh cũng như vậy, một bề kiết tội trọng?

Đáp: Phật được ở xa tâm lễ bái cung kính, pháp phải cầm văn đọc tụng, cho nên kinh Địa Trì nói: Không cúng dường hiện tiền gọi là đại đại cúng dường. Nếu muốn cử lẫn nhau cũng kết phạm lẫn nhau.

Như người tạo tượng chuyên tâm vì mình, không vì người khác, có thể không kết trọng, tạo kinh vì người tùy theo khả năng thọ dụng, đâu thể kết tội.

Trộm vật của tăng, có chủ giữ gìn đồng với trên kết tội trọng. Nếu chủ giữ gìn tự trộm cắp, theo Luật Thiện Kiến thì trộm vật của tăng phạm tội trọng, nhưng tăng có bốn loại:

1) Thường trụ thường trụ: nghĩa là kho lẫm, chùa viện của tăng chúng có hoa quả, cây cối, ruộng vườn, v.v... vì thể chung cả mười phương, không thể phân dùng, nhìn chung chúng tăng như luận đoán trọng.

Luật Tăng-kỳ chép: Dù tất cả Tỳ-kheo nhóm họp cũng không được chia, ở đây một bề xếp vào tội trọng.

2) Thập Phương thường trụ: Như nhà tăng cúng dường thức ăn mà tăng thường dùng, chung mười phương, chỉ hạn cục bốn xứ. Nếu có người giữ gìn y cứ theo chủ thì kết trọng, người cùng trộm thì phạm tội khinh.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu đem thức ăn lâu dài ở nhà tăng về phóng phạm thâu-lan-giá.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu lấy vật của tăng như vật của mình để dùng cho người phạm thâu-lan-giá. (y cứ theo cùng trộm thức ăn của tăng). Nếu tâm trộm lấy tùy giá bao nhiêu mà kết, đó gọi là đại giặc thứ năm (y cứ theo như có chủ).

Tỳ-ni Mẩu cũng như vậy, Tát-bà-đa, Thiện Kiến chép: Không đánh chuông, mà ăn thức ăn của tăng phạm tội trộm. Lại, trong chùa trống khách tăng, thấy thức ăn trộm ăn, tùy giá bao nhiêu mà kết tội. (theo như trên đây thâu-lan-giá).

3) Hiện tiền Hiện tiền: nhất định ăn trộm vật này, xét theo bốn chủ mà kết tội. Nếu nhiều người mà một người giữ vật cũng y cứ vào chủ mà kết trọng.

4) Thập Phương hiện tiền: Như vật khinh của năm chúng đã qua đời.

Kinh Thiện Sinh chép: Trộm vật của Tỳ-kheo qua đời, nếu chưa yết-ma, theo tăng mười phương phạm tội khinh (tính người không đủ năm tiền, chỉ phạm thâu-lan-giá). Nếu đã yết-ma, y cứ tăng hiện tiền mắc tội trọng. (số người có hạn, thì có thể đủ năm tiền).

Nếu khi qua đời tùy theo người chết di chúc trao vật, trộm vật của người cho kết tội.

Luật Tứ Phần chép: Vật của bốn phương, hoặc tăng, hoặc rất nhiều

người, hoặc một người, không nên phân chia, không nên bán, không nên đem về cho mình, đều phạm thâu-lan-giá. Nhân có người nói:

Nếu trộm vật của tăng nói không thành trộm, liền đoạt lấy. Điều này chưa thấy văn rõ ràng trong các bộ. Nếu đoạt lấy thì thành phạm trọng.

Luật Tứ phần chép: Tạm trở ngại Tăng dùng cho nên kết khinh.

Nếu nhập hản đồng với của mình, thì Thiện Kiến cho là tội trọng.

Luật Ngũ Phần chép: Tâm trộm, đổi vật tốt của tăng, giá năm tiền phạm Ba-la-di, một tiền trở lên phạm thâu-lan-giá.

Kinh Đại Tập chép: Trộm vật của tăng tội đồng với năm tội nghịch.

Nhưng tội trộm chung cả ba ngôi báu, vật của tăng rất quý, hễ hao tổn một hào thì y cứ vào phạm thánh mười phương mỗi mỗi mà kết tội.

Cho nên các bộ, như trong Ngũ Phần chép: Có nhiều người cúng dường vật cho tăng. Phật đều đáp: “Hãy cúng dường cho tăng, ta ở trong số tăng, cúng dường tăng được quả báo lớn”.

Lại, kinh Phương Đẳng chép: Năm tội nghịch, bốn tội trọng ta có thể cứu. Trộm vật của tăng ta không cứu được. Ngoài ra như trong các kinh Nhật Tạng Phần, Tăng Hộ truyện, v.v... có trình bày rộng.

Ngũ Bách Vấn chép: Lấy vật của Phật, pháp, Tăng dù hoàn lại thì vẫn đọa vào địa ngục A-tỳ nhưng được ra sớm, hướng chi không bồi hoàn, mãi mãi không có lúc mong ra. Nhân đó nói việc Pháp sư Tam Tạng hoàn nợ.

2) Nói rõ dùng chung, lại chia làm bốn:

1. Tam bảo dùng lẫn nhau.
2. Đương phần dùng lẫn nhau.
3. Tượng cùng vật báu dùng lẫn nhau.
4. Mỗi vật dùng lẫn nhau.

Y cứ vào phần đầu, như Tăng-kỳ nói: Chủ chùa là Ma-ma-đế cùng dùng vật của Phật pháp Tăng, cho rằng không phạm. Phật nói phạm Ba-la-di. Nghĩa là người Tri sự lấy lương thực, dụng cụ của tăng và trâu ngựa làm tượng Phật, nhà kinh doanh việc sai sử đều chánh trọng, đem vật của Phật, pháp, tăng dùng cũng vậy. Văn rộng ra như trong luật kia. Các kinh như Bảo Lương, v.v... nói: hai vật của Phật, pháp không được dùng qua lại. Vì không có người, vì vật của Phật pháp mà làm chủ, lại không thể thưa hỏi, không đồng với vật của Tăng, cho nên thường trụ tăng, chiêu-đề-tăng cũng có những điều cần Tỳ-kheo coi về việc hòa

tặng, đòi hành thủ, người hòa hợp được dùng. Nếu muốn dùng vật của tặng, sửa sang tháp Phật, y theo pháp mà lấy. Tặng hòa hợp được dùng. Người không hòa hợp, khuyên người tục tu bỏ. Nếu pháp Phật có vật cho đến một tiền, vì thí chủ chú trọng tâm thì phạm xá-ni.

Các vị trời và người đối với vật này, sinh tưởng là Phật, tưởng là tháp, cho đến gió thổi, mưa rửa ra, không được trao đổi vật báu cúng dường. Vì vật trong tháp của Như lai không có người làm giá cả.

Nếu y cứ theo đây ngăn tặng thọ dụng, đều là dùng qua lại

Nếu không ngăn tạm an trí, lý được không tổn.

Vấn nói: Không được đặt Phật ở phòng dưới, mình ở phòng trên.

Hỏi: Chiêu-đề tặng, thường trụ tặng là gì?

Đáp: Trung A-hàm chép: A-nan nhận phòng riêng để cúng dường chiêu-đề tặng. Cô gái Am-bà cúng vườn lên Phật trước tiên và chiêu-đề tặng, trong văn không rõ. Y cứ theo phòng nhà này là vật của chiêu-đề tặng. Hoa quả, v.v... là vật tặng man.

Ngũ Bách Vấn nói: Vốn chẳng phải chùa viện mà thờ tượng trong đó, Tỳ-kheo cùng nằm ngủ làm chướng ngại, ngăn cách thì không phạm, vì Phật tại thế cũng cho để tử ngủ cùng phòng.

Luật Thập tụng nói: Phật cho tặng phòng nuôi sứ nhân, tượng Phật sứ nhân. Cho đến voi, ngựa, trâu, dê cũng vậy. Mỗi mỗi đều có sở thuộc, không được dùng chung.

Tát-bà-đa chép: đất của Tăng bốn phương không hòa hợp thì không được làm tháp Phật, trồng các thứ hoa quả cho Phật. Nếu trong tặng phân hành được rồi thì cho tùy ý cúng dường. Hoa nhiều vô hạn tùy ý dùng cúng dường. Nếu qua sự đói khát, mất mùa, ruộng vườn của Tam bảo, không có phân biệt, không thể thừa hỏi, nếu tặng hòa hợp tùy ý xử phân, hoặc nước của tháp, dùng công sức của tháp mà được, Tăng dùng phạm trọng. Nếu công sức của Tăng, phải so lường bao nhiêu chỗ sai làm quá hạn, quá thì kết trọng.

Luật Thập tụng chép: Cây hoa trong vườn của tăng, cho lấy cúng dường tháp Phật, nếu có trái cây sai người lấy ăn, cây lớn cúng dường ruộng cột cho tăng, lá và vỏ cây tùy ý Tỳ-kheo dùng, cũng được nhờ tăng đực đẽo bình chậu để dùng.

Tỳ-ni Mẩu chép: đã phân chia phòng xá, đất trồng cây, sau đó lấy cây sửa sang phòng, không cần bạch tăng.

Cây của tăng để sửa tháp và tặng, được cây củi trong viện tăng, phải y cứ nhiều ít. Cúng dường nhà sưởi, nhà trừ, nhà tắm, phòng riêng. Không được lấy quá. Nếu không định hạn, tùy ý nhiều ít nên lấy cây

khô. Nếu tăng cần cần cây để dùng, hoặc có cây đang ngăn đất mà thí chủ không cho chặt, liền sai tịnh nhân trộn xương cá với tro, rưới lên cho chết. Sau đó, nói cho thí chủ biết, rồi mới chặt dùng.

Nếu ruộng nhà của tăng liền tiếp với ruộng, nhà của người dữ, được nói đàn việt chuyển dời.

Trong Tứ Phần chép: Vua Bình-sa cúng dường vườn cho Phật, Phật bảo cúng dường cho tăng, biết Tam bảo không được dùng qua lại, liền khuyên cúng cho Tăng, Tăng cũng được cúng dường Phật pháp. Nếu người vốn cúng dường chung cho Tam bảo thì tùy thiên lệch mà dùng hết, không được chia vật này làm ba phần, vì trái với tâm cúng dường.

Luật Thiện Kiến chép: Vật che đây nếu là Tam bảo trai giảng thiết hội thì được lấy không tội. Trong luật trên, cho đến người khác được dùng củi cỏ của tăng. Đây phải cần cụ giới thanh tịnh đúng với pháp của tăng. Như luật đã xử đoán, tài pháp đều đồng. Nếu thực hành thiếu trái với đồ dùng của tăng phạm tội vô lượng. Rộng như trong kinh trước. Lại như truyện nói: do lấy lá, cây của Tăng nhuộm làm tạp dụng, tội bị đọa vào trong hang đá, thân đều vào địa ngục chịu khổ. Đây đều do giới chẳng đầy đủ, không có tâm hổ thẹn. Người có tâm hạnh, tự ẩn mà tham lấy.

2) Phải chia dùng với nhau: Nghĩa là vốn tạo hình Thích-ca đổi thành Di-đà, vốn làm Đại phẩm đổi làm Niết-bàn, vốn làm phóng tăng đổi làm xe cưỡi, đều vọng nhìn cảnh trước, lý nghĩa dễ thông. Nhưng trái với tâm cúng dường, phạm tội dụng qua lại.

Luật nói: Cho phép chỗ này cho chỗ kia, và hiện tiền trực đường đổi làm năm y đều phạm tội. Nếu vốn làm Phật lại làm Bồ-tát, bốn kinh chưa luận v.v... thì tình lý đều trái gốc.

Soạn chánh lục, tạp lục, giá kinh và tạo người nhóm họp kinh nguy nhân quả hoàn toàn trái, pháp quyết phạm trọng, phước không có phước riêng. Vì tà chánh xen lẫn, cho nên nếu đông tây hai nẻo, tài vật Phật pháp có chủ thì không được, không chủ thì dùng chung, nếu vốn thông các sư và chúng cúng dường, lý thông được làm, nhưng không thông người phi nghĩa, nuôi ngựa dê lẫn lộn.

Ngũ Bách Vấn nói: Dùng màu sắc của Phật làm hình chim thú thì phạm tội, trừ ở trước Phật vì cúng dường.

Luật Thiện Kiến nói: Nếu thí chủ định cúng dường vườn cây, y phục, thuốc thang, v.v... Người có tâm trộm cắp chia ăn, tùy theo tính giá trị mà kết trọng. Nếu định làm phóng xá tăng mà lại làm thức ăn cho

tặng phạm thân-lan-giá. Hoặc trụ xứ này thiếu lương thực, mọi người muốn giải tán đi, không có người giữ gìn, hòa tăng giảm dùng, các vật trong như vườn cây v.v... làm thức ăn. Chủ lãnh giữ gìn, cho đến phòng Tăng bốn phương cũng được. Nếu phòng bị phá hoại, bán những vật thô để sửa sang, hoặc thời giặc loạn cho giữ tùy thân. Khi giặc đi rồi bình yên về lại chỗ cũ. Muốn cúng dường tượng này, lại cho tượng kia, phạm Đột-cát-la. Trong quyển 8, 9, 10 nói về giới trộm rất vi tế kín đáo. Thập Tụng và Lạc-già nói; giữ vật của tăng bốn phương này, tâm trộm cắp đưa cho chùa khác phạm Đột-cát-la, nếu lấy trả lại cho tăng thì không phạm trọng.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu ở chùa gần bên bị phá không có chỗ nằm và đồ cúng dường, thông kết một giới hai bên cùng dùng.

Trong Ngũ Bách Vấn nói: người tại gia bạch tăng cho thức ăn những người mà Tỳ-kheo chưa độ, hoặc vì tăng mà bạch xin tăng cho đem thức ăn của tăng để giữa đường, hoặc tăng không cho, hoặc không bạch trả lại thì phải bồi hoàn. Nếu không thì phạm trọng, nếu cúng dường trai tăng, tăng đi trai chủ cúng dường cho tăng sau, đánh Kiền-chùy được ăn. Nếu không dành mỗi người ăn no phạm trọng. Y cứ theo trên không được, liền đem thức ăn của tăng ra khỏi giới mà ăn không hoàn lại, người có tâm thì phạm trọng.

Tuy là đánh chuông còn không khỏi tội, vì vật thể thuộc về xứ định.

Trong luật nói: Cùng lợi dưỡng thuyết giới riêng phải làm yết-ma hòa tăng mới được. Nếu được đầu cần đồng giới đồng pháp.

Nếu vì Tăng sai đi xa, trên đường đi không có chỗ khát thực, hòa Tăng đem thức ăn để giữa đường cũng không nhất định làm tượng.

Theo văn giữ chùa của luật Thiện Kiến. Nếu chùa trang nghiêm vững chắc không cần hòa Tăng. Hai bên trụ xứ dùng chung, mỗi trụ xứ hô kiền-chùy để cùng ăn. Nếu đến chùa ngoài, có người riêng giữ vật của Tăng, dùng thì phạm trọng. Vì thí chủ định cúng tăng trú xứ này, không cúng loại riêng khác chẳng phải ruộng phước, cho nên người nhà tăng cất giữ phạm cát-la.

3) Tượng cúng báu qua lại: nghĩa là trụ trì Tam bảo và lý của báu qua lại. Tát-bà-đa hỏi: Khi Phật tại thế, trong các vật cúng dường Tam bảo thường nhận phần của một người, vì sao sau khi Phật diệt độ khắp nơi lấy phần của một người?

Đáp: Phật tại thế, sắc thân thọ dụng, nên lấy một phần của một người, sau khi Phật diệt độ cúng dường pháp thân công đức hơn Tăng

nên lấy một phần báu. Lại khi Phật tại thế nói cúng dường Phật thì sắc thân thọ dụng, nói cúng dường Phật bảo đặt trong tháp thờ móng tay, tóc cúng dường pháp thân. Vì pháp thân thường còn ở thế gian.

Nếu cúng dường Pháp chia làm hai phần, một phần cho kinh pháp, một phần cho người tụng kinh nói pháp. Nếu cúng dường pháp bảo thì treo trong tháp. Nếu cúng dường Tăng bảo cũng để trong tháp, cúng dường tăng đệ nhất nghĩa đế, hoặc cúng dường chúng tăng phạm thành đều lấy phần, vì nó không đáng. Y cứ theo lúc thọ thí này, khéo biết thông bí, chớ dùng qua lại mà gây ra lỗi lầm.

Trong phần thứ tư vật tùy tướng, tự qua lại trước y cứ theo vật của Phật, có bốn loại:

1) Vật Phật thọ dụng không được chuyển qua lại, nghĩa là các vật như giảng đường, y phục, giường màn, v.v...

Vật Phật từng dùng, cúng dường để trong tháp, không được dời qua lại như kinh Bảo Lương ở trước đã nói. Ngũ Bách Vấn chép: Không được bán lụa trên thân Phật cho Phật làm y, lại cột trụ chùa viện bị hư hoại, thí chủ đổi xong, cột củ cúng dường cho tăng, tăng không được dùng. Trong luật Phật nói nếu giường tọa cụ của Phật, tất cả trời người cúng dường không được dùng, vì đều là tháp, cung kính như tượng tăng, cho đến cung kính trong pháp.

2) Cúng dường vật thuộc của Phật, Ngũ Bách Vấn chép: vật của Phật được mua lấy cúng dường, đầy đủ cúng dường. Luật Thập Tụng chép: lấy vật tháp Phật xuất lời, Phật nói cho. Ngũ Bách Vấn chép: vật của Phật không được dời đến chùa khác, vì phạm tội khí. Nếu chúng tăng đều đi, bạch tăng tăng cho đem đi thì không tội.

Khách Tỳ-kheo làm tượng Phật, viết kinh được vật thì không được lấy, nếu được nhà Phật nuôi trâu bò, cũng không được thương sai trâu bò của Phật vì phạm đại tội.

3) Cúng dường vật lên Phật. Luật Tăng-kỳ nói cúng dường hoa cho Phật nhiều thì cho chuyển mua hương đèn cúng Phật.

Còn vật cũ nhiều chuyển bán để làm vô tận tài của Phật.

Ngũ Bách Vấn chép: Cờ, phướn của Phật phần nhiều muốn làm Phật sự khác, nếu thí chủ không đồng ý thì không được, vì y cứ theo đây đổi làm, không chuyển biến bản chất. Như Đại Luận chép: như họa làm tượng Phật.

1. Vì không tốt nên cố hoại thì được phước.

2. Vì ác tâm hoại thì phạm tội.

4) Vật hiến cúng Phật. Luật nói: Cúng dường tháp Phật, thức ăn

để sửa sang tháp người được ăn. Luật Thiện Kiến nói: Trước Phật dâng cơm, Tỳ-kheo hầu Phật ăn. Nếu không có Tỳ-kheo, người tại gia hầu Phật được ăn. Y cứ theo đây, bàn Phật của nhà thế tục vốn không thuộc về Phật, không còn nói chuộc kinh ngụy.

Kế nói vật của Pháp cũng có bốn thứ khác nhau:

1) Pháp thọ dụng, như thuộc về sương hộp, khăn, màn, v.v... vốn là vật bày biện không thể sửa đổi lại, còn ba điều không y cứ ở trên có thể biết.

Nói rõ vật của tăng. Nếu hai loại thường trụ hạn cục chỗ đã định không thể chuyển dời, như trên có nói. Nếu giúp đỡ chung các chùa khác, yết-ma hòa thì được.

Thường trụ thường trụ chỉ được thọ dụng, thập phương thường trụ hô kiền-chùy đồng thời liền dự phần ăn. Nếu ác giới kịp thời, có đức phi thời, phi pháp mà dùng đều kết tội đầu-lan-giá.

2) Hai loại cùng dùng qua lại thông hòa thì được, không y cứ ở trên có thể biết, người thường trụ cất chứa không được mua bán. Y cứ theo kinh tội trọng, các luật không có văn. Cho nên trong luật Tăng-kỳ nói cùng dường tội tứ cho tăng đều không được nhận, ý có thể biết. Nếu nói hai loại tội hiện tiền qua lại như trên, thì hai vật khinh trọng cất dứt chẳng trái với văn, đều kết hai tội.

3) Vật Tam bảo xuất ra cho vay: Luật Tăng-kỳ nói: Tháp Tăng hai vật cùng cho vay, khoán nhớ rõ ràng. Lúc nào vay lúc nào trả, nếu tri sự thay thế phải ở trong tăng đọc số, xương rõ ràng rồi ghi phó chúc cho người sau. Trái điều này kết phạm.

Thập Tụng, Tăng-kỳ nói: Vật của tháp xuất cho vay lấy lời, hoàn lại đặt trong vật tháp vô tập tài. Vật của Phật xuất cho vay hoàn lại cho vào vô tập tài của Phật. Định cúng dường tháp, vật của tăng trong văn ví dụ đồng, không được liên can lẫn lộn. Thập Tụng nói: Người khác được cho vay vật của tăng. Nếu chết thì bồi hoàn, tính theo giá cả để vào tháp tăng. Luật Thiện kiến nói: Lại được vay mượn tài vật của tăng làm phòng riêng. Kinh Thiện Sinh chép: người bệnh vay vật của Tam bảo hoàn lại gấp mười, còn người không bệnh lý không cho vay, không đồng với luật nghi là hai chúng thế tục, văn giống như năm chúng xuất gia.

Ngũ Bách Vấn chép: Vật của Phật người cho vay lấy lời tự dùng, đồng với hoại pháp thân. Nếu có người cúng dường trâu bò, tội tứ cho Phật không được thọ dụng và bán đổi. Nếu cúng dường vũ khí cũng không được nhận, ngoài ra đều như giới thứ tư cất chứa của báu, pháp

chiêu đãi đạo tục.

Luật Tứ Phần nói Ưu-ba-ly đến một trụ xứ, không ai đón tiếp liền trở về. Phật bảo: Nếu người biết pháp, biết luật, biết ma-di, hễ đến chỗ nào đều phải đón rước cúng cấp cơm nước. Cũng không nói vật hiện tiền bốn phương tăng. Theo việc cho y người tri sự, thì vật mười phương hiện tiền cho nên biết chẳng phải vật của thường tứ phương.

Luật Thập Tụng nói: Vì người này thay vào chỗ ta cho nên phải cung cấp.

Luật Ngũ Phần nói: Nếu người tại gia vào chùa, tăng không cho thức ăn liền khởi tâm chê bai. Phật bảo nên cho, liền cầm bình xấu đựng đầy thức ăn cho, lại sinh tâm chê bai. Phật bảo lấy bình tốt đựng. Đây gọi là người tục suy nghĩ thấy lỗi của tăng. Nếu hai chúng tại gia và người thông đạt thế tục phải nói phước, ăn khó tiêu, chẳng phải là tiếc. Như trong pháp chúng võng có nói.

Luật Thập Tụng chép: cung cấp củi lửa, đèn đuốc cho quốc vương, đại thần, cho dùng mười chín tiền, không cần bạch tăng.

Nếu đòi lại, bạch tăng cho, ác tặc đến, bất cứ lúc nào suy nghĩ quyết định, không hạn lượng nhiều ít. Luật Tăng-kỳ nói: Nếu ác tặc đàn việt, thợ mộc cho đến quốc vương, đại thần, v.v... người có công năng làm tổn ích nên cho cơm nước.

Đa Luận nói: Người có thể làm tổn hại thì cho họ, người có ích không được thì làm nhiệm ô nhà. Nếu hai bên biết pháp như luật cũng được rộng, như hai thiên dưới nói.

Luật Thập Tụng nói: Về cách chiêu đãi tịnh nhân, niếu phân thứ lớp trên dưới, thì phải trên cho y thức ăn, dưới lần lượt không được nhiều. Sứ giả cung cấp y thức ăn. Luật Thập Tụng nói: Khách làm người thuê được toàn ngày, cuối cùng gặp nạn duyên, không được khế hợp. Phật bảo lượng công mà cho y theo pháp thế tục. Từ sáng đến trưa trước có việc nạn, cho ăn một bữa. Không cho thì làm đúng giá, sau đó đi rồi có nạn không sai, thì cung cấp làm công trọn ngày. Lại phải y theo lời Phật nói lượng theo công lao xem siêng năng hay lười biếng. Tuy lại sai đi trai qua nửa ngày. Mà công y theo toàn phụ cũng cho giá cũ, nhất định người lười biếng cũng bớt. Ngoài ra, như trong quyển thượng cũng có về thông cục thức ăn của tăng.

Đại môn thứ 2, trong vật người trộm cắp do nhất định có chủ, mong hai chủ kết, một tổn chủ chánh, hai tổn chủ giữ gìn, thì vật của chủ chánh phải có ba câu.

1/ Có tâm ngã sở, có giữ gìn, như trong ruộng có các tài vật gấm

lụa, v.v...

2/ Có tâm ngã sở, trong ruộng không có người giữ ngũ cốc.

3/ Không có tâm ngã sở, không giữ gìn các kho báu trong lòng đất.

Nếu trộm ba loại này đều tổn chánh chủ, kết tội.

Còn chủ giữ gìn hai câu khác nhau.

1. Có tâm ngã sở, giữ gìn riêng, như tăng có thể phân chia vật sai người giữ gìn.

2. Tâm vô ngã sở, giữ gìn riêng. Như cửa ải đoạt được vật cấm, kết nay tổng hai chủ chia làm bảy loại:

1) Giữ gìn chủ tổn mất. Luật Thiện Kiến chép: Tỳ-kheo giữ gìn tài vật cho người khác hoặc Tam bảo, nếu cẩn thận để trong cửa kín mà giặc Tỳ-kheo từ trong nhà, trong kẻ hở trộm lấy, hoặc áp bức, cưỡng lấy. Chẳng phải chủ giữ gìn có thể cấm hạn, y theo bốn chủ mà kiết, không được giữ vật của người (nếu trưng cầu thì phạm trọng). Nếu chủ thường lười biếng, không siêng lấy cất, bị giặc trộm cắp, Tỳ-kheo giữ vật phải đền. Không mong vào bốn chủ. Nếu không hoàn lại, giữ gìn thì kết phạm. Gởi chủ bị tổn thất. Luật Thập Tụng nói: Tỳ-kheo ở nơi xa gởi vật mà bị tổn phá. Phật bảo nếu người tâm tốt làm hư thì không bồi hoàn, người tâm ác phá thì phải bồi thường. Tỳ-kheo gởi vật cho cư sĩ, người không tốt xem cố làm mất, nên đòi lại. Nếu gởi vật cho cư sĩ, cư sĩ gởi vật cho Tỳ-kheo, hai thuyết như trên; Nếu mượn vật của người khác bất luận hai tâm tốt xấu, nếu tổn thất tất cả phải bồi thường. Nay có người rửa bình bát cho người khác và nhằm làm bể, phần nhiều đòi thường lại, tùy theo đó mà kết trọng.

2) Chủ bị trộm vật: Thập Tụng chép: Nếu trong chúng có người mất vật, chúng chủ không được lấy, mà lấy cất tụng chú rồi lấy. Nghĩa trình bày hai loại.

Không hiện tiền chủ bị trộm vật giữ gìn tâm nghĩa yếu đuối.

Người lấy được tưởng quyết lấy, chủ tuy có tâm không xả bỏ. Sau đó thấy vật này không được đoạt lấy vì lia đất thuộc thành nghĩa giặc, nếu đoạt lấy phạm trọng. Cho nên Luật nói: Bảy giờ, có Tỳ-kheo cướp đoạt lấy phạm trọng. Vì thế luật nói: Bảy giờ, có Tỳ-kheo cướp đoạt vật. Phật nói phạm Ba-la-di, Tăng-kỳ nói: mặt không hiện tiền.

1. Bốn chủ không xả bỏ.

2. Người đoạt chưa làm.

Tưởng được sau đó đoạt lấy được, trái với hai duyên trên, đoạt lấy phạm tội trọng. Dù tâm mình không buông bỏ, trước người quyết định

lấy, chính là thành trộm tổn thất, không được đoạt lấy, nếu trước xả bỏ vì không có chủ, cũng không được nhất là rồi sau đó lấy.

3) Đối diện hiện tiền đoạt lấy, do nghĩa giữ gìn mạnh.

Đoạt còn do dự muốn được chưa nhất định. Vốn tâm của chủ yếu, mà người chưa xả bỏ cũng được đuổi theo đoạt lấy.

Luật Tăng-kỳ nói: Giặc cướp đoạt vật rồi đi, Tỳ-kheo đuổi theo cướp đoạt được vật ấy thì không phạm. Lại trời tối đuổi theo giặc, giặc cất vật rồi đi, Tỳ-kheo liền lấy đem đi. Lại giặc lần lần đến gần thôn xóm, Tỳ-kheo đuổi theo giặc. Nếu hòa bảo rõ thì được, nếu sợ la mắng thì không phạm. Biết có việc chết không nên nói cho người biết. Các câu như trên đều là đối diện bị cướp. Nếu mình tưởng là mất, bất luận là người cướp lấy, quyết định hay không quyết định, sau đó lấy lại thì chính là giặc. Lại đoạt lấy vật của giặc, đều do quyết thuộc về giặc, dù không có ý tưởng mất, mà tâm giặc quyết lấy không sợ, cũng là thuộc về giặc. Không được đuổi theo đoạt lấy.

Tỳ-Nại-Da nói: Nếu mất vật, các quan lấy lại được, trả lại cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo được lấy không phạm. Y theo mặt không hiện tiền cho đến trộm cắp tượng, vàng, v.v... tuy biết chỗ cất giấu cũng không được lấy.

Luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo bị giặc tranh giành, tự thân trộm đồ của giặc không phạm, nếu thấy đoạt đệ tử đem đến phạm tội trọng.

4) Giặc bố thí cho Tỳ-kheo vật có chủ

Luật Thập Tụng chép: Giặc trộm vật đem đến, hoặc cúng dường với lòng tốt, hoặc do người khác đuổi theo sợ hãi mà bố thí, được lấy vật này, không được theo giặc xin, tự cho thì được lấy. Lấy rồi nhuộm hoại sắc mà mặc. Có chủ biết, nếu đòi lại, hoặc giặc mua được y của Tỳ-kheo, bốn chủ thấy y không được đoạt thẳng, phải trả lại với giá cũ.

Nay hoặc có người trộm vật của Tam bảo và vàng bạc, kinh tượng, v.v... rồi hủy hoại đúc thành bình mà Tỳ-kheo xin, y theo văn trên được nhận. Căn cứ theo lý đã từng thọ dùng kinh Phật, chỉ có thể lấy, y vào bốn xứ dùng.

5) Thâu từ trời giặc chủ.

Luật Tăng-kỳ nói: Quan chưa nhận lấy, chưa viết tên vật mà gửi cho Tỳ-kheo, thì được lấy, hiển lộ cầm ra không được che giấu, nếu có người hỏi, thì nói là y vật của Phật, của tăng, của ta. Nếu người không cho thì trả lại.

6) Người cuồng thí vật chủ: Bộ Ma-đắc-lặc-già nói: Nếu người cuồng tự lấy vật cúng dường, không biết cha mẹ, thân quyến, Tỳ-kheo

được lấy. Nếu cha mẹ biết, không tự tay cho thì không thể lấy.

7) Người giữ nhìn làm chủ: Luật Thiện Kiến nói: Người trộm không có tội, nghĩa là chủ nhân làm rơi, đưa gởi cho cha mẹ. Nếu cha mẹ qua đời, hoặc người mắc nợ đem đi thì không tội. (y theo đây riêng đưa thuế cho vua, người có phước không tội). Tội tố ăn trộm phạm tội trọng.

Thập Tụng nói: có người cất giữ y cho Tỳ-kheo, nghi chẳng biết có thành chủ không. Phật bảo, chỉ theo sự cúng dường mà nhận, không được theo xin. Luật Tứ Phần chép: người khác giữ kỹ, người cho y vật Tỳ-kheo, Phật bảo: Đây nếu là chủ thì được nhận, cho nên không được theo xin, vì vật là chủ khác, nếu nói nhận rồi cúng dường, liền dạy người khác trộm lấy vật. Luận Minh Liễu chép: Nghĩa trộm cấp rất nhiều, lại y cứ vào mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm, buông bỏ sáu trần, hành không đúng như Pháp. Hoặc phạm trọng, hoặc phạm khinh. Nếu người ăn thức ăn độc, hoặc bị rắn cắn, phạm tội như thế, nếu người trộm đất, nước, lửa, gió, không đại. Cũng phạm Ba-la-di đều từ giới trộm.

Giải thích rằng: Có các vị tiên, trong lòng thực hành thầy thuốc rắn độc, vị tiên viết chữ, người thấy đều lành bệnh.

Người muốn thấy phải thường giá tiền. Tỳ-kheo bị hại trộm tính theo giá tiền phạm trọng, cho đến người khác học được trộm xem cũng vậy. Nếu muốn học tụng chú trị bệnh, cần giá cả, Tỳ-kheo thầm nghe tính theo giá phạm trọng. Trộm ném người xúc chạm cũng giống như thế, biết bí mật mới cần chú thuật.

Người bệnh tâm duyên theo liền hết bệnh, được nghe viết thẳng.

Tỳ-kheo thọ pháp y cứ vào tâm thầy duyên được hết bệnh không cho giá cả.

Cho nên phạm trọng.

Kế là y cứ vào sáu cõi ba điều trước có thể biết. Có thuốc chú thuật bôi lên, Tỳ-kheo trộm quấy nhiễm không cho giá cả, nếu khởi công lâu các đến không giới khác ngăn ngại người khác khởi tạo, gọi là trộm hư không.

Luận chép: Đồng là đồng với thức giới, trí tuệ thuộc về thức, người có nghề khéo chẳng phải rộng không, đưa người khác phải cho giá cả.

Tỳ-kheo phương tiện đến chỗ người kia học được không cho giá cả, tức là ăn trộm hiểu biết (nghĩa là trộm trí để dùng) từ các duyên ngoài không được lấy hết. Nhưng biết phi lý, tổn tài, biết trộm cấp là vô nghĩa nên không nhận. Rộng ra như trong giới bốn số nói.

Đại môn thứ 3 trộm vật phi súc: Trước nói vật của phi nhân, nếu

có người giữ gìn, thì y cứ vào chủ mà kết.

Ngũ Phần nói: Lấy y trong miếu thần, cờ phướn lọng báu do người khác cho để trên mộ, người giữ vật tâm họ chưa xả bỏ, giá trị năm tiền thì phạm tội trọng.

Luật Tăng-kỳ nói: Trộm vật trong tháp của ngoại đạo, vật trong nhà thờ tự phạm tội trọng. Nếu không có người giữ gìn tùy trường hợp mà kết.

Cho nên luật Thập Tụng chép: trộm cắp y, tượng của Thiên Thần và tràng hoa, phạm trâu-lan-giá.

Luật Thiện Kiến nói: lấy vật của các quỷ thần, và vật người buộc ở trên cây, không có người giữ gìn không phạm (nghĩa là phi nhân cũng không gìn giữ).

Bộ Tát-bà-đa nói: Lấy vật của phi nhân giá năm tiền trở lên phạm trọng trâu-lan-giá, bốn tiền trở xuống phạm khinh trâu-lan-giá.

Nay có nhiều người lấy vật của các Thần y cứ vào lý phạm không giống như ở trên. Ất không có giữ sợ thần hộ. Có thể bói biết xả bỏ sự keo kiệt. Về trộm vật của súc sinh, Tứ Phần không có văn, có người đoán đồng với đại trọng.

Cho nên luật nói: Con chuột ăn trộm đào của người Hồ gom thành một đồng to, Tỷ-kheo trộm, Phật bảo phạm Ba-la-di.

Cho nên có giải thích: Chẳng phải y cứ vào súc sinh, mà y cứ vào bốn chủ vì chuột trộm cắp nghi do dự chưa quyết là trách người còn là bốn chủ. Cho nên lại chính là người kết phạm trọng. Ngoài ra như các bộ khác.

Luật Thập Tụng chép: lấy thức ăn dư của hổ phạm cát-la, vì không dứt trông mong, thức ăn thừa của sư không phạm.

Tát Bà Đa chép: Tất cả thức ăn dư của chim thú, lấy phạm cát-la.

2) Nói rõ tướng có chủ. Nếu tướng là không có chủ, từ đầu đến cuối không chuyển thì không phạm tội, trước sau chuyển qua lại, phạm khinh trọng qua lại, rộng như trong phần trì phạm.

3) Nói rõ tâm trộm cắp: Nhưng môn này người thật đức chưa tránh khỏi. Nhưng ở đời trộm cắp do tâm kết, không y cứ vào sự thị phi của cảnh. Cho nên: luật Tăng-kỳ nói: chủ chùa tầm ưa thích dùng vật của Tam bảo qua lại. Đây cũng là trộm, phạm Ba-la-di. Lý đã khó biết. Cho nên có chỉ đủ ở trong sao.

Luật Thập Tụng chép: có sáu thứ tâm trộm cắp, đó là: Lấy một cách khổ cực, khinh mạn mà lấy, mượn danh người khác, xung đột lấy

(giả mượn không trả) nhận gởi lấy, do đó lời mà lấy. Trừ một loại có lời, ngoài ra đều kết trọng.

Ma đặc lặc già nói: có ba thứ tâm cướp.

1. Cường đoạt lấy, dùng lời êm dịu lấy, cho rồi lấy lại (trong kinh Thiện Sinh nói cũng đồng với tội trộm)

Luật Ngũ Phần nói có bốn loại:

1. Dùng tâm nịnh hót

2. Tâm cong vạy

3. Tâm tức giận

4. Tâm sợ hãi mà lấy vật của người, tức là tâm trộm.

Luật Tứ phần nói có mười thứ tâm giặc:

1) Tâm đen tối: nghĩa là tâm si, người ngu dạy cũng học, tùy theo mê muội mà kết tội trọng.

Luật Tăng-kỳ nói: Chủ chùa chính là việc này

2. Tâm tà, nghĩa là tâm tham, miễn được lợi. Nói pháp tà mạng bị tài vật che lấp.

3. Tâm cong vạy, tức tâm sân. Cho ít thì chê giận, nhờ sân mà được của cải. Hoặc chỉ bảo dùng uy nộ một cách rộng tuếch, mục đích vì tài lợi mà được vật, phạm trọng.

4. Tâm làm cho sợ hãi, hoặc lá hét ép buộc, hoặc nói pháp sợ hãi để lấy, hoặc tự khởi nghi ngờ sợ hãi mà lấy tài vật.

5. Thường có tâm trộm vật của người, hằng khởi tâm đoạt lấy.

6. Quyết định lấy, trong tâm do dự, phương tiện rồi thành ắt có kết quả, động đến vật thành phạm.

7. Gởi vật rồi lấy: Hoặc hoàn toàn xung đột, hoặc lấy chút ít rồi trả cho người.

8. Tâm sợ hãi: Nghĩa là chỉ bảo tướng thân miệng, vì sợ hãi nên cho vật.

9. Thấy tiện liền lấy, thừa cơ khác sơ hở, do lợi mà cầu.

10. Cây thế mà lấy: Hoặc cậy vào tiếng tăm oai đức, hoặc dùng danh tự phương tiện, hoặc cậy vào bạn thân mà cưỡng bức. Nghĩa là nhờ oai thế của người khác mà lấy, hoặc dùng ngôn từ biện thuyết, hoặc nhờ vào sự suy xét đầu mối, phù hoa dẫn dắt, làm cho khác trước đây, mong lấy tài lợi, nói cuồng hoặc mà lấy, phi pháp nói pháp, pháp nói phi pháp, chỉ vì lợi mà mê hoặc bao người, cho nên các văn dẫn chứng biết được nghiệp của tâm. Tướng ấy lược hiển bày đủ được phòng ngừa vững chắc, vọng cảnh có bốn vật trọng. Nghĩa là năm tiền hoặc giá trị năm tiền, tức các vật lặt vặt khác. Bộ Tát-bà-đa hỏi: Trộm năm tiền

thành trọng. Tiền ấy phải thế nào?

Đáp: có ba cách giải thích:

1. Y vào phép nước Vương-xá dùng tiền thế nào, y theo tiền đó làm hạn.

2. Tùy theo chỗ có Phật pháp dùng tiền thế nào thì lấy đó làm giới hạn.

3. Phật y theo nước Vương-xá trộm năm tiền phạm tội chết.

Theo đó mà kết giới, nay tùy theo nơi có Phật pháp, theo phép nước trộm bao nhiêu vật thì phạm tội chết, lấy đó làm giới hạn. Tuy có ba thứ giải thích, luận sư sau này nghĩa thích ứng với điều này, xong nghĩa về năm tiền luận giải thích khác nhau, phán tội nên thông, nhiếp hộ phải gấp.

Cho nên luật nói: Dưới cho đến cây cỏ, hoa lá cũng không được trộm cắp, nay các sư thanh hành phần nhiều y theo Thập tụng.

Luật ấy nói: trộm năm tiền, là đồng tiền lớn thời xưa, phạm trọng.

Nếu trộm ít tiền, tùy theo chỗ trộm hễ năm tiền thì phạm trọng.

Luật Tăng-kỳ nói: Phép vua không nhất định, nên xử tội trộm không nhất định.

Phải lấy pháp xưa của vua Bình-sa bốn tiền ba giác thì kết trọng.

Luật Tứ Phần nói: Chỉ nói năm tiền. Y cứ theo đây mà phớt bỏ luận trên, về sau là hơn. Dù bốn tiền ba giác, Thiện Kiến giải thích, cũng đồng năm tiền.

Luật Thiện Kiến nói: Nếu trong tháp trộm lấy của báu trong tay, lấy rồi ra rời miệng tháp phạm Ba-la-di.

Lại giải thích: Chỉ rời khỏi chỗ phạm Ba-la-di, chưa ra khỏi miệng tháp. Pháp sư nói: Trong giới luật theo sự khẩn cấp. Lại quán năm việc: Xứ thời, mới, cũ, v.v... gọi là Luật sư, dùng văn này làm chứng năm tiền làm tiêu chuẩn.

2) Vì nghĩa môn sáu câu khác nhau:

1. Thập tụng già luận chép: Tiền có lúc đắt lúc rẻ không ngại.

Tiền đắt mà trộm một tiền cũng tội trọng, gặp lúc giá tiền rẻ tới một trăm, một trăm chỉ phạm khinh.

2. Tứ Phần, Ngũ Phần, Thiện Kiến nói: trộm vật ở chỗ đắt bán lại chỗ rẻ, y vào chỗ mình ăn trộm tính giá trị vật ấy bao nhiêu.

3. Luật Thiện Kiến nói: trộm vật ở chỗ đắt bán chỗ rẻ, nếu định tội phải trả lại y cũ.

Ba câu trên trái nhau, đều phạm tội khinh.

4. Trong Ma-đắc-lặc-già nói: Lấy năm ngàn không phạm tội trọng; lấy bốn tiền thường làm đoạn tâm, hoặc không được vật cũng phạm trọng như Tứ Phần nói: Thiêu đốt cho hoại sắc, dạy người khác làm.

5. Không đủ năm tiền phạm trọng: Như luật Tứ Phần nói: Nhiều người sai một người trộm năm tiền nhiều người cùng phân chia. Hoặc nhiều người cùng trộm thông làm một phần. Chỉ làm cho đủ năm tiền. Tất cả đồng trộm kết trọng, hoặc trộm quá bốn tiền kết tội khinh. Như luật Thập Tụng nói: Nhiều người trộm cắp, chưa chia vật là vậy. Tức như loại vật rẻ của người chết.

6. Trộm năm tiền, mỗi người một tiền kết phạm

Như luật Tăng-kỳ nói: năm người trộm mỗi người lấy một tiền, sai một người giữ. Nếu trộm cứ mong vào người giữ gìn kết tội.

Luật Thiện Kiến nói: Muốn biết tướng trộm cắp, như thầy trò bốn người dạy nhau cùng ăn trộm, một người một tiền thì mỗi người phạm một Ba-la-di và một thâu-lan-giá, nghĩa này nên biết.

5) Lìa chỗ cũ, luật Tứ Phần nói: Nếu kéo chôn cất tùy theo làm một việc, phương tiện không thành đều kết thâu-lan-giá ía.

Luật Ngũ Phần chép: vật ở trong lòng đất mà khởi tâm trộm cắp phạm cát-la, nếu đào đất phạm đề-xá-ni, cầm vật thì phạm Đột-cát-la, động đến vật phạm thâu-lan-giá, lìa chỗ mới kết tội trọng. Nghĩa của lìa chỗ chia ra mười câu.

1. Văn viết thành: Nói về lìa chỗ như số của luật sư phán quyết lấy nhập tội trọng vào khinh. Phi pháp phán quyết dùng loại vật của tăng. Thiện Kiến chép: vẽ trên đất làm chữ, một đầu thì khinh, hai đầu thì trọng.

2. Lập ngôn giáo: Luật Thiện Kiến chép: Nếu tâm trộm xưng lên rằng: nhất định là đất của ta, nếu chủ đất sinh nghi phạm thâu-lan-giá. Nếu tâm quyết định mất phạm tội trọng. Nếu cùng nhau tranh chấp ruộng vườn trái với lý phán quyết, và trái với lý phán quyết mà được, cho đến miệng xử đoán nhiều mối, trộm hạ xưng lên được nhiều vật đều phạm trọng. Tức như trong Tứ Phần nói: nếu dùng ngôn từ biện luận, nói cuồng mê hoặc người mà trộm đều phạm trọng.

3. Dời nêu: Thiện Kiến nói: dựng một cây nêu phạm thâu-lan-giá, dựng hai cây nêu phạm tội trọng (lượng theo cảnh) cho đến bằng sợi tóc, hạt thóc đều phạm trọng. Đất sâu vô giá chừng dây đàn cũng như vậy.

4. Đọa trừ: Tứ Phần nói: trộm cắp thâm nhơ mấy thể phân vật thể,

cho đến thiếu ít.

5. Sắc khác: Thập Tụng, Tát-bà-đa nói: Trên nệm chần có hoa lá cành cây. Nay từ trên lá cây trộm cắp kéo đến trên hoa cây phạm tội trọng. Nghĩa là vì bản sắc khác lạ. Hoặc như mượn y bát người khác phi lý dùng tổn giảm năm tiền của người khác cũng kết tội trọng.

Luật nói: Vì làm cho hoại sắc.

6. Chuyển tuổi: Như Thập Tụng nói đánh bạc, đánh cờ, v.v... Ngũ Phần nói: Chơi cờ bạc phạm Đột-cát-la.

7. Lìa chỗ nói không lìa chỗ. Như Tăng-kỳ chép: trộm cắp trâu ngựa của người nhưng nghĩ là không hề làm được, tuy nhắc bốn chân không thành cũng phạm trọng.

8. Không lìa chỗ nói lìa chỗ. Như Luật Thiện Kiến chép: chỗ yên tĩnh trộm cắp chắc chắn được không nghi, như ném gậy lên hư không nhất định rơi xuống, cho nên động thì thành tội trọng.

9. Không lìa chỗ nói lìa chỗ. Như Luật Tứ Phần chép: trộm ruộng vườn nhà cửa của người, công kích phá thôn, đốt chôn hoại sắc đều phạm tội trọng.

10. Lẫn lộn nói lìa chỗ: Như trên hư không thổi vật trộm cắp chim bị tên bắn, ngăn dòng nước chảy, v.v... đều không nói hết, rộng như trong bốn số. Nhưng tướng của giới trộm rất khó phân rõ. Nếu nói về tướng bên ngoài đủ như trong sách vở, cho đến vạch ra tìm hiểu sẽ rườm rà. Cho nên lược bày duyên phạm biết thô đại khái mà thôi, ý vẫn còn bỏ bớt việc. Người biết đủ tâm lo nghĩ về đạo, duyên cảnh đã hạn cục, ít thì nên trong sạch. Nếu người nhiều việc mà muốn thăng cao sẽ bị tâm trộm vây quanh không thể nào ra được. Vì sao do tâm khởi thắng, riêng tướng điên đảo chưa khuynh. Sơ quả vô học, mới có thể tính việc, người có tâm lo đạo, đọc kỹ phụ vô việc, suy nghĩ sâu mới biết. Cho nên luật Thiện Kiến chép: Giới luật phải theo mà hộ, giới trọng thứ hai này sự tướng khó hiểu, chẳng thể không lộn xộn khi giải thích nghĩa lý ấy, ông nên khéo suy nghĩ, luận văn như thế, vì y cứ theo sự trình bày trên còn sợ người không ra gì. Cho là rườm rà, tâm tôi thật chưa nói hết y cứ như trước cho nên lại lược bỏ.

Trong phần ba nói về không phạm. Luật Tứ Phần chép: tưởng cho, lấy rồi, tưởng phần tảo, tưởng lấy tạm, ý thân thiết hậu đãi đều không phạm. Trong luật nói đủ bảy pháp gọi là thân hậu:

1. Khó làm mà làm được
2. Khó cho mà cho được
3. Khó nhẫn mà nhẫn được

4. Việc kín đáo nói với nhau
5. Cùng che giấu cho nhau
6. Gặp khổ không xả bỏ
7. Nghèo hèn không khinh

Bảy pháp như thế, người thực hành được là bạn thân tốt, cứ theo đây để lường.

- **Giới thứ ba: Giới giết người**, có năm duyên thành phạm:

1. Là người
2. Nghĩ là người
3. Khởi tâm giết
4. Làm mọi cách
5. Mạng sống bị cắt đứt.

Trong duyên thứ nhất (là người). Luật nói: Trước đây biết, đến sau này biết mà mạng sống bị cắt đứt. (Trước biết nghĩa là: trước biết ở trong thai, còn tự nghĩ là chỗ nương của thức. Cho đến một niệm sau cùng lúc qua đời, chưa xả bỏ giữ lấy, tùy theo điều hoại).

Tướng ấy dễ biết, cho nên nói lược.

Tứ Phần chép: giết có hai loại:

1. Tự giết, nghĩa là thân hiện tướng, miệng khen ngợi chết, đào huyết đặt bẫy, hoặc đặt dụng cụ để giết, nhẫn đến cho thuốc, v.v...

2. Xúi giục người giết: Tùy theo sự sai bảo trước, hoặc dạy giết, khen giết, sai người giết, sai đi tới đi lui, cứ sai lần lần. Sai người nam dạy tìm người nam, viết thư, dạy viết thư đưa, đều mặc phương tiện chỉ làm cho chết mới vừa ý muốn của mình.

Trong ba tánh có thể dạy thì phạm trọng. Ngoài ra như thiên sau.

Luật Thập Tụng chép: Không được làm tổn thương thân mình, cho đến đứt ngón tay cũng phạm tội.

Già luận nói: Người bệnh không muốn ngồi dậy, không muốn đi đứng, nếu ngồi dậy sẽ chết, người săn sóc bệnh cưỡng cho uống thuốc, người bệnh chết phạm *thâu-lan-giá*. Ung nhọt chưa muối mà cưỡng phá làm cho chết cũng vậy.

Không cho ăn, không trị liệu, do đó mà chết cũng phạm *thâu-lan-giá*. Tát-bà-đa nói: Tỳ-kheo biết âm dương lành dữ, do Tỳ-kheo nói, chính phục các nước khác, giết hại để được tài lợi, đều phạm hai tội Ba-la-di là: trộm cắp và sát sinh. Trong kinh Ưu-bà-tắc cũng đồng như vậy.

Luật Thập Tụng chép: Làm hầm hố bẫy người chết mà súc sinh chết phạm *thâu-lan-giá*. Vì súc sinh làm hầm hố, súc sinh chết thì như

luật, người chết phạm Đột-cát-la, hoặc tâm vốn bao la tùy cảnh khinh trọng.

Bộ Tát-bà-đa chép: Nếu khen một người chết, người này không hiểu, người bên cạnh hiểu dùng cách này mà chết thì không phạm. Nay có nhiều người tự đốt thân mình, có nhiều người ngu, bậy chúng từng lâm, khen ngợi người này làm cho sống lại vui thích, đều như luật bốn Kết trọng. Lại như Tỳ-kheo bị quan chém chặt, nhân đó mà theo người, xin dây, khăn để làm dây thông lọng thất cổ.

Cũng có năm chúng không biết, cho các dụng cụ để tự sát, nếu chết phạm tội trọng.

Luật Tăng-kỳ chép: Cha mẹ bị phép vua, Tỳ-kheo nói giảm hình phạt xin cho một nhát dao, tìm cách nói cũng phạm trọng.

Ngũ Phần, Tứ Phần nói: tự giết phạm thâu-lan-giá, nghĩa là kết phương tiện ấy.

Về không phạm, luật nói: nếu ném dao gậy, ngói đá, cây gỗ nhằm vào thân người khác mà chết, và lo lắng nâng đỡ người bệnh mà chết, hoặc lấy thuốc uống, và ra vào qua lại mà chết, tất cả không có tâm hại thì không phạm. Cho nên luật của thế tục nói: Lỗi giết người mà dụng lý luận chuộc (nghĩa là chỗ mắt không thấy, chỗ tâm không có ý cùng nêu, vật nặng có chứa sự nguy hiểm).

Thứ tư là giới nói dối, có chín duyên để thành.

1. Cảnh đối diện là người
2. Nghĩ là người
3. Cảnh hư dối
4. Tự biết cảnh hư dối
5. Có tâm dối người khác
6. Thuyết pháp nói dối người
7. Tự nói mình đã chứng
8. Nói văn chương rõ ràng
9. Người đối diện hiểu

Tứ Phần, Thập Tụng và Đa Luận nói: Bắt đầu quán bất tịnh trở lên đến bốn quả. Nếu nói tôi đặc đều phạm trọng. Nếu hiện thân tướng trước người, không nghi đồng trọng tội, nghi thì thâu-lan-giá.

Luật Thập Tụng chép hỏi: Bất tịnh này là gần với pháp nhỏ, vì sao phạm trọng?

Đáp: Là cửa đầu tiên của cam lộ. Tất cả bậc Thánh từ đây mà vào. Lại Tứ Phần nói, cho rằng trời rồng quỷ thần đến cúng dường ta, cũng đồng phạm trọng.

Lại nói: muốn nói với người này mà lại nói với người kia, tất cả đều phạm trọng.

Bộ Ma-đắc lạc già chép: Tự xưng là Phật, thầy của trời người, phạm thâu-lan-giá. Ngoài ra như số bốn thuyết.

Về không phạm, như luật nói: Tự biết có được pháp quán bất tịnh nên nói với vị đại Tỷ-kheo, hoặc đùa giỡn, hoặc nói nhanh, nói một mình ở chỗ khuất, nói nhảm, đều không phạm trọng mà phạm Đột- cát-la. Vì chẳng phải nghi thức quý tặc của lời nói. Tứ Phần luật SAN PHỒN bổ khuyết hành sự sao quyển trung hết.

